

Số: 602/QĐ-UBND

TP. Sóc Trăng, ngày 22 tháng 5 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc phê duyệt phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Vành Đai I (đoạn từ ngã ba Lê Duẩn - Phạm Hùng, Phường 8 đến đường Trần Quốc Toàn, Phường 6, thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng (đợt 2)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Công văn số 1511/UBND-KT ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc chấp thuận chủ trương hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Đường Vành Đai I (đoạn từ ngã ba Lê Duẩn - Phạm Hùng, Phường 8 đến đường Trần Quốc Toàn, Phường 6, thành phố Sóc Trăng);*

*Căn cứ Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc phê duyệt phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Vành Đai I (đoạn từ ngã ba Lê Duẩn - Phạm Hùng, Phường 8 đến đường Trần Quốc Toàn, Phường 6, thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng (đợt 2);*

*Qua xem xét Báo cáo thẩm định số 159/BC-TNMT, ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Sóc Trăng,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc phê duyệt phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Vành Đai I (đoạn từ ngã ba Lê Duẩn - Phạm Hùng, Phường 8 đến đường Trần Quốc Toàn, Phường 6, thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng (đợt 2), cụ thể như sau:

- Tổng số hộ gia đình, cá nhân điều chỉnh, bổ sung: 07 hộ.

- Tổng kinh phí dự toán điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ: **821.837.163 đ** (Tám trăm hai mươi một triệu, tám trăm ba mươi bảy ngàn, một trăm sáu mươi ba đồng)

|                                                                                                                                 |                      |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| <b>- Kinh phí bồi thường trực tiếp:</b>                                                                                         | <b>742.036.434 đ</b> |
| <b>A. Chính sách bồi thường:</b>                                                                                                |                      |
| Bồi thường về đất:                                                                                                              | -220.400.800 đ       |
| Bồi thường về nhà và công trình phụ:                                                                                            | -556.800.752 đ       |
| Bồi thường công trình, vật kiến trúc khác:                                                                                      | -185.067.047 đ       |
| <b>B. Chính sách hỗ trợ:</b>                                                                                                    |                      |
| Hỗ trợ khác:                                                                                                                    | <b>1.242.025.798</b> |
| + Hỗ trợ về Nhà:                                                                                                                | 767.014.127 đ        |
| + Hỗ trợ về Công trình:                                                                                                         | 475.011.671 đ        |
| Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và TKVL đối với thu hồi đất NN:                                                                 | <b>457.401.000 đ</b> |
| Hỗ trợ bàn giao mặt bằng đúng quy định:                                                                                         | <b>4.878.235 đ</b>   |
| <b>- Chi phí tư vấn xác định giá trị tài sản bị thiệt hại phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng:</b>                  | <b>62.800.000 đ</b>  |
| <b>- Chi phí tư vấn thẩm tra dự toán xác định giá trị tài sản bị thiệt hại phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng:</b> | <b>2.160.000 đ</b>   |
| <b>- Chi phí tổ chức thực hiện 2%:</b>                                                                                          | <b>14.840.729 đ</b>  |

*(Kèm theo bảng tổng hợp và bảng tính chi tiết)*

**Điều 2.** Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, cụ thể như sau:

1. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Sóc Trăng phối hợp với chủ đầu tư, các ngành liên quan, Ủy ban nhân dân Phường 5 và Phường 6 công bố niêm yết công khai Quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc phê duyệt phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Vành Đai I (đoạn từ ngã ba Lê Duẩn - Phạm Hùng, Phường 8 đến đường Trần Quốc Toản, Phường 6, thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng (đợt 2) tại trụ sở Ủy ban nhân dân Phường 5, Phường 6 và địa điểm sinh hoạt của khu dân cư nơi có đất, vật kiến trúc bị ảnh hưởng; gửi quyết định bồi thường, hỗ trợ đến các hộ bị ảnh hưởng được biết, tổ chức thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo quyết định đã được phê duyệt.

2. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm đăng quyết định này trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng.

**Điều 3.**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các nội dung khác tại Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng giữ nguyên không thay đổi.

2. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất, Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 5, Phường 6 thành phố Sóc Trăng, Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XVIII, Ban Quản lý Dự án 2 tỉnh Sóc Trăng và các đối tượng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT; các PCT;
- VPHĐND&UBND TP  
(để đăng công thông tin);
- Thanh tra thành phố;
- NCTH;
- Lưu: VT (Kèm hồ sơ). 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



  
**Trần Văn Nhanh**





**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### **PHƯƠNG ÁN**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc phê duyệt phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Vành Đai I (đoạn từ ngã ba Lê Duẩn - Phạm Hùng, Phường 8 đến đường Trần Quốc Toàn, Phường 6, thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng (đợt 2)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 602 /QĐ-UBND, ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng)*

#### **I. Thông tin về dự án**

1. Tên dự án: Đường Vành Đai I (đoạn từ ngã ba Lê Duẩn – Phạm Hùng, Phường 8 đến đường Trần Quốc Toàn, Phường 6, thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng.
2. Địa điểm xây dựng: Phường 5, Phường 6 và Phường 8, thành phố Sóc Trăng.
3. Nguồn vốn: ngân sách Nhà nước theo Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng
4. Thời gian thực hiện: 2021-2025.
5. Phạm vi thu hồi đất theo tuyến: Chủ đầu tư cung cấp cấm cọc giải phóng mặt bằng và mảnh trích đo địa chính phục vụ giải phóng mặt bằng do Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực hiện.
6. Tổng số tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng: 23 hộ. Trong đó số hộ điều chỉnh, bổ sung: 07 hộ.

#### **II. Nội dung Phương án**

Điều chỉnh, bổ sung dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Vành Đai I (đoạn từ ngã ba Lê Duẩn - Phạm Hùng, Phường 8 đến đường Trần Quốc Toàn, Phường 6, thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng (đợt 2) cụ thể như sau:

1. Phan Văn Danh tại thứ tự số 3 của bảng tổng hợp và bảng tính chi tiết với số tiền: 649.033.863 đ. Nay điều chỉnh, bổ sung với số tiền: 837.150.339 đ.

2. Nguyễn Dư Phước tại thứ tự số 15 của bảng tổng hợp và bảng tính chi tiết với số tiền: 8.674.701.921 đ. Nay điều chỉnh, bổ sung với số tiền: 8.871.629.191 đ.

3. Nguyễn Thị Thuý Linh - Trần Hoàng An tại thứ tự số 16 của bảng tổng hợp và bảng tính chi tiết với số tiền: 846.373.500 đ. Nay điều chỉnh, bổ sung với số tiền: 797.881.500 đ.

4. Trần Thị Na Vi tại thứ tự số 18 của bảng tổng hợp và bảng tính chi tiết với số tiền: 97.828.320 đ. Nay điều chỉnh với số tiền: 69.979.824 đ.

5. Kim Thị Sa Phên tại thứ tự số 19 của bảng tổng hợp và bảng tính chi tiết với số tiền: 123.548.280 đ. Nay điều chỉnh với số tiền: 88.062.394 đ.

6. Kim Kon - Lâm Thị Sa Tha tại thứ tự số 20 của bảng tổng hợp và bảng tính chi tiết với số tiền: 144.442.032 đ. Nay điều chỉnh với số tiền: 102.620.236 đ.

7. Mai Trường Xuân tại thứ tự số 23 của bảng tổng hợp và bảng tính chi tiết với số tiền: 5.282.445.200 đ. Nay điều chỉnh, bổ sung với số tiền: 5.793.086.066 đ.

**Tổng kinh phí dự toán điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ:** 821.837.163 đồng. (Tám trăm hai mươi một triệu, tám trăm ba mươi bảy ngàn, một trăm sáu mươi ba đồng).

|                                                                                                                                 |                      |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| <b>- Kinh phí bồi thường trực tiếp:</b>                                                                                         | <b>742.036.434 đ</b> |
| <b>A. Chính sách bồi thường:</b>                                                                                                |                      |
| Bồi thường về đất:                                                                                                              | -220.400.800 đ       |
| Bồi thường về nhà và công trình phụ:                                                                                            | -556.800.752 đ       |
| Bồi thường công trình, vật kiến trúc khác:                                                                                      | -185.067.047 đ       |
| <b>B. Chính sách hỗ trợ:</b>                                                                                                    |                      |
| Hỗ trợ khác:                                                                                                                    | <b>1.242.025.798</b> |
| + Hỗ trợ về Nhà:                                                                                                                | 767.014.127 đ        |
| + Hỗ trợ về Công trình:                                                                                                         | 475.011.671 đ        |
| Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và TKVL đối với thu hồi đất NN:                                                                 | <b>457.401.000 đ</b> |
| Hỗ trợ bàn giao mặt bằng đúng quy định:                                                                                         | <b>4.878.235 đ</b>   |
| <b>- Chi phí tư vấn xác định giá trị tài sản bị thiệt hại phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng:</b>                  | <b>62.800.000 đ</b>  |
| <b>- Chi phí tư vấn thẩm tra dự toán xác định giá trị tài sản bị thiệt hại phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng:</b> | <b>2.160.000 đ</b>   |
| <b>- Chi phí tổ chức thực hiện 2%:</b>                                                                                          | <b>14.840.729 đ</b>  |

(Kèm theo bảng tổng hợp và bảng tính chi tiết)

### III. Tổ chức thực hiện

- Giao Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Sóc Trăng phối hợp với chủ đầu tư, các ngành liên quan, Ủy ban nhân dân Phường 5, Phường 6 công bố niêm yết công khai Quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc phê duyệt phương án và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Vành Đai I (đoạn từ ngã ba Lê Duẩn - Phạm Hùng, Phường 8 đến đường Trần Quốc Toàn, Phường 6, thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng (đợt 2) tại trụ sở Ủy ban nhân dân Phường 5, Phường 6 và địa điểm sinh hoạt của khu dân cư nơi có đất, vật kiến trúc bị ảnh hưởng; gửi quyết định bồi thường, hỗ trợ đến các hộ bị ảnh hưởng được biết, tổ chức thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo quyết định đã được phê duyệt.

- Trong quá trình chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ nếu phát hiện có sai sót giao Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Sóc Trăng phối hợp với các ngành có liên quan và chủ đầu tư kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

- Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại trong quá trình bồi thường, hỗ trợ, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thành phố Sóc Trăng sẽ xem xét giải quyết hoặc hướng dẫn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết và chỉ được chi trả bồi thường, hỗ trợ sau khi tranh chấp đã được cơ quan có thẩm quyền giải quyết.





**BẢNG TÍNH CHI TIẾT CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**  
**DỰ ÁN ĐƯỜNG VÀNH ĐAI I (ĐOẠN TỪ NGÃ BA LÊ DUẨN - PHẠM HÙNG,**  
**PHƯỜNG 8 ĐẾN ĐƯỜNG TRẦN QUỐC TOẢN, PHƯỜNG 6, THÀNH PHỐ SÓC**  
**TRĂNG), TỈNH SÓC TRĂNG**

(Kèm theo Quyết định số 602/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 5 năm 2025  
của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng)

Họ và tên: **Phan Văn Danh**

Địa chỉ thường trú: ấp Thạnh Lợi, thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng

**A. Chính sách bồi thường:**

**I. Các loại đất:**

| STT              | Loại đất | Vị trí/tên đường                                                                                                                                        | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Đơn giá (vnd) | Thành tiền (vnd)   | Số tờ | Số thửa | Ghi chú |
|------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------|--------------------|-------|---------|---------|
| 1                | CLN      | Còn lại; Thửa đất tiếp giáp kênh thủy lợi, tiếp giáp bờ đất cặp kênh; Thửa đất không tiếp giáp đường; không tiếp giáp kênh thủy lợi thuộc phạm vi dự án | 1.441,00                    | 252.000       | 363.132.000        | 26    | 109     |         |
| <b>Tổng cộng</b> |          |                                                                                                                                                         | <b>1.441,00</b>             |               | <b>363.132.000</b> |       |         |         |

**II. Cây trồng:**

| STT | Cây trồng                                              | ĐVT      | Số lượng | Đơn giá (vnd) | Tỷ lệ (%) | Thành tiền (vnd) | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------|----------|----------|---------------|-----------|------------------|---------|
| 1   | Chuối - loại A (Cây trong giai đoạn cho trái)          | Đồng/cây | 200,00   | 70.000        | 100       | 14.000.000       |         |
| 2   | Chuối - loại B (Cây chưa cho trái (thân cao trên 1 m)) | Đồng/cây | 300,00   | 40.000        | 100       | 12.000.000       |         |
| 3   | Dừa thường - loại A (Trên 3 năm)                       | Đồng/cây | 26,00    | 780.000       | 100       | 20.280.000       |         |
| 4   | Dừa thường - loại B (Từ 1 năm đến 3 năm)               | Đồng/cây | 21,00    | 492.688       | 100       | 10.346.448       |         |
| 5   | Ôi các loại - loại A (Trên 2 năm)                      | Đồng/cây | 7,00     | 234.000       | 100       | 1.638.000        |         |
| 6   | Ôi các loại - loại B (Từ 1 năm đến 2 năm)              | Đồng/cây | 28,00    | 143.000       | 100       | 4.004.000        |         |
| 7   | Ôi các loại - loại C (Dưới 1 năm)                      | Đồng/cây | 3,00     | 71.500        | 100       | 214.500          |         |
| 8   | Xoài khác - loại A (Trên 3 năm)                        | Đồng/cây | 4,00     | 644.800       | 100       | 2.579.200        |         |
| 9   | Xoài khác - loại B (Từ 1 năm đến 3 năm)                | Đồng/cây | 20,00    | 390.000       | 100       | 7.800.000        |         |
| 10  | Xoài khác - loại C (Dưới 1 năm)                        | Đồng/cây | 13,00    | 195.000       | 100       | 2.535.000        |         |
| 11  | Mận khác - loại A (Trên 3 năm)                         | Đồng/cây | 15,00    | 1.200.000     | 100       | 18.000.000       |         |
| 12  | Cam sành - loại A (Trên 3 năm)                         | Đồng/cây | 1,00     | 540.000       | 100       | 540.000          |         |

|                  |                                                              |                     |       |           |     |                    |                                                              |
|------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------|-------|-----------|-----|--------------------|--------------------------------------------------------------|
| 13               | Sa bô chê - loại A (Trên 3 năm)                              | Đồng/cây            | 1,00  | 1.225.000 | 100 | 1.225.000          |                                                              |
| 14               | Nhân da bò, nhân khác - loại A (Trên 3 năm)                  | Đồng/cây            | 1,00  | 1.053.000 | 100 | 1.053.000          |                                                              |
| 15               | Mít khác - loại B (Từ 1 năm đến 2 năm)                       | Đồng/cây            | 2,00  | 659.100   | 100 | 1.318.200          |                                                              |
| 16               | Me thường - loại A (Trên 3 năm)                              | Đồng/cây            | 10,00 | 1.500.000 | 100 | 15.000.000         |                                                              |
| 17               | Vú sữa - loại A (Trên 3 năm)                                 | Đồng/cây            | 4,00  | 2.000.000 | 100 | 8.000.000          |                                                              |
| 18               | Vú sữa - loại B (Từ 1 năm đến 3 năm)                         | Đồng/cây            | 6,00  | 936.000   | 100 | 5.616.000          |                                                              |
| 19               | Cây trồng cho sinh khối - loại A - Thuộc gỗ nhóm VI đến VIII | Đồng/m <sup>3</sup> | 0,275 | 4.000.000 | 100 | 1.099.000          | Cây So đũa<br>Đường kính 0,2m Chiều cao 2,5m Số lượng 07 cây |
| 20               | Cây trồng cho sinh khối - loại A - Thuộc gỗ nhóm IV đến V    | Đồng/m <sup>3</sup> | 0,221 | 4.500.000 | 100 | 993.515            | Cây Mù u<br>Đường kính 0,25m Chiều cao 3m Số lượng 03 cây    |
| 21               | Cây trồng cho sinh khối - loại A - Thuộc gỗ nhóm VI đến VIII | Đồng/m <sup>3</sup> | 0,589 | 4.000.000 | 100 | 2.355.000          | Cây công<br>Đường kính 0,5m Chiều cao 6m Số lượng 01 cây     |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                              |                     |       |           |     | <b>130.596.863</b> |                                                              |

## B. Chính sách hỗ trợ:

### I. Hỗ trợ khác:

#### I.1. Nhà:

| STT | Loại nhà                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Đơn giá (vnđ) | Diễn giải  |           | Tỷ lệ (%) | Thành tiền (vnđ) | Ghi chú                           |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------|------------|-----------|-----------|------------------|-----------------------------------|
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                             |               | Giảm       | Tăng      |           |                  |                                   |
| 1   | <b>Nhà:</b> Mái tole sóng vuông (hoặc tole giả ngói) - Nhà độc lập, khung cột BTCT (kể cả cột BTĐS, cột gỗ, cột thép, khung thép), (móng không phải BTCT gia cố cừ các loại), nền lát gạch ceramic, tường gạch sơn hoàn thiện, trần thạch cao không có hoa văn trang trí, trần nhựa, cửa gỗ nhóm III hoặc IV, cửa sắt, cửa nhôm. | 61,60                       | 3.271.000     | 12.073.600 |           | 70        | 132.594.000      | Nhà xây dựng trên đất nông nghiệp |
| 1.1 | Không có trần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 61,60                       | 196.000       | 12.073.600 |           |           |                  |                                   |
| 2   | <b>Nhà sau:</b> Nhà tiền chế cột thép hoặc cột bê tông đúc sẵn,                                                                                                                                                                                                                                                                  | 15,68                       | 1.357.000     |            | 2.524.480 | 70        | 16.661.568       |                                   |



|                  |                                       |       |         |  |           |                    |  |
|------------------|---------------------------------------|-------|---------|--|-----------|--------------------|--|
|                  | nền láng xi măng, vách tole, mái tole |       |         |  |           |                    |  |
| 2.1              | Nền lát gạch ceramic                  | 15,68 | 161.000 |  | 2.524.480 |                    |  |
| <b>Tổng cộng</b> |                                       |       |         |  |           | <b>149.255.568</b> |  |

## I.2. Công trình:

| STT              | Hạng mục                                                                                                  | Khối lượng<br>(m <sup>2</sup> , m <sup>3</sup> , cái, ...) | Đơn giá<br>(vnd) | Diễn giải |      | Tỷ lệ<br>(%) | Thành<br>tiền (vnd) | Ghi<br>chú                                              |
|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|------------------|-----------|------|--------------|---------------------|---------------------------------------------------------|
|                  |                                                                                                           |                                                            |                  | Giảm      | Tăng |              |                     |                                                         |
| 1                | <b>Cây giếng nước khoan bơm tay:</b> Giếng nước sạch (Giếng khoan bơm tay (cây nước))                     | 1,00                                                       | 6.500.000        |           |      | 70           | 4.550.000           | Công trình, vật kiến trúc xây dựng trên đất nông nghiệp |
| 2                | <b>Bếp:</b> Khối xây gạch ống                                                                             | 0,36                                                       | 1.617.000        |           |      | 70           | 407.484             |                                                         |
| 3                | <b>Chuồng gà:</b> Chuồng trại chăn nuôi gia súc (Cột đúc, xây tường lửng, mái lợp tole, nền láng xi măng) | 28,00                                                      | 1.038.000        |           |      | 61.6         | 17.903.424          |                                                         |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                                                           |                                                            |                  |           |      |              | <b>22.860.908</b>   |                                                         |

## II. Hỗ trợ di chuyển:

| STT              | Nội dung         | Số lượng | Tỷ lệ<br>(%) | Mức hỗ trợ<br>(vnd) | Thành tiền<br>(vnd) | Ghi chú                                                                               |
|------------------|------------------|----------|--------------|---------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                | Hỗ trợ di chuyển | 1        | 100          | 10.000.000          | 10.000.000          | Nhà ở bị giải tỏa có diện tích xây dựng trên 60 m <sup>2</sup> đến 100 m <sup>2</sup> |
| <b>Tổng cộng</b> |                  |          |              |                     | <b>10.000.000</b>   |                                                                                       |

## III. Đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với thu hồi đất NN:

| STT              | Diện tích đất<br>nông nghiệp<br>thu hồi | Mức hỗ trợ<br>(%) | Giá đất hỗ<br>trợ (vnd) | Thành tiền<br>(vnd) | Ghi chú |
|------------------|-----------------------------------------|-------------------|-------------------------|---------------------|---------|
| 1                | 1.441,00                                | 150               | 70.000                  | 151.305.000         |         |
| <b>Tổng cộng</b> |                                         |                   |                         | <b>151.305.000</b>  |         |

## IV. Hỗ trợ bàn giao mặt bằng đúng quy định:

| STT              | Tổng giá trị bồi thường nhà, công trình, cây trồng | Tỷ lệ<br>(%) | Thành tiền<br>(vnd) | Ghi chú                                                                |
|------------------|----------------------------------------------------|--------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------|
| 1                | 665.845.339                                        | 4            | 10.000.000          | Được tính bằng 4% tổng số tiền bồi thường, không vượt mức 10.000.000 đ |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                    |              | <b>10.000.000</b>   |                                                                        |

**\* TỔNG CỘNG SỐ TIỀN ĐƯỢC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: 837.150.339 đồng**

(Bằng chữ: Tám trăm ba mươi bảy triệu, một trăm năm mươi ngàn, ba trăm ba mươi chín đồng)

- Tổng cộng số tiền bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh bổ sung: 837.150.339 đ

- Tổng cộng số tiền được bồi thường, hỗ trợ theo quyết định số

2760/QĐ-UBND, ngày 22/12/2023:

649.033.863 đ

- Chênh lệch tăng:

188.116.476 đ

(Bằng chữ: Một trăm tám mươi tám triệu, một trăm mười sáu ngàn, bốn trăm bảy mươi sáu đồng)

**BẢNG TÍNH CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ**  
**DỰ ÁN ĐƯỜNG VÀNH ĐAI I (ĐOẠN TỪ NGÃ BA LÊ DUẨN - PHẠM HÙNG, PHƯỜNG 8 ĐẾN**  
**ĐƯỜNG TRẦN QUỐC TOÀN, PHƯỜNG 6, THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG), TỈNH SÓC TRĂNG**  
*(Kèm theo Quyết định số 602/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 5 năm 2025*  
*của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng)*

Họ và tên: **Nguyễn Du Phước**

Địa chỉ thường trú/tạm trú: số 253 đường Hồ Nước Ngọt, Phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**A. Chính sách bồi thường:**

**I. Các loại đất:**

| STT              | Loại đất | Vị trí/tên đường                                                                                                                                        | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Đơn giá (vnd) | Thành tiền (vnd)     | Số tờ | Số thửa | Ghi chú                                                                                        |
|------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------|----------------------|-------|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                | LN       | Vị trí 1; Thửa đất tiếp giáp đường Kênh Hồ Nước Ngọt (Đường Lý Thánh Tông) (đoạn đường Hùng Vương – kênh Trường Thọ)                                    | 1.149,80                    | 2.669.000     | 3.068.816.200        | 2     | 162     |                                                                                                |
| 2                | LN       | Vị trí 2; Thửa đất tiếp giáp đường Kênh Hồ Nước Ngọt (Đường Lý Thánh Tông) (đoạn đường Hùng Vương – kênh Trường Thọ)                                    | 1.056,20                    | 1.334.500     | 1.409.498.900        | 2     | 162     |                                                                                                |
| 3                | LN       | Vị trí 1; Thửa đất tiếp giáp đường kênh 30 tháng 4 (Nhánh phía Đông) (đoạn cầu dân sinh – Giáp ranh đất thửa 828, tờ bản đồ số 02 – giáp ranh phường 7) | 960,50                      | 1.849.000     | 1.775.964.500        | 2     | 162     | Điều chỉnh lại 238,4 m <sup>2</sup> từ vị trí 1 sang vị trí 2 theo kết quả xác định vị trí của |
| 4                | LN       | Vị trí 2; Thửa đất tiếp giáp đường kênh 30 tháng 4 (Nhánh phía Đông) (đoạn cầu dân sinh – Giáp ranh đất thửa 828, tờ bản đồ số 02 – giáp ranh phường 7) | 238,40                      | 924.500       | 220.400.800          | 2     | 162     | Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh thực hiện                                                    |
| <b>Tổng cộng</b> |          |                                                                                                                                                         | <b>3.404,90</b>             |               | <b>6.474.680.400</b> |       |         |                                                                                                |

**II. Nhà và công trình phụ:**

| STT | Loại nhà                                                                                                                                                                                                                                                                             | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Đơn giá (vnd) | Diễn giải |      | Tỷ lệ (%) | Thành tiền (vnd) | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------|-----------|------|-----------|------------------|---------|
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                             |               | Giảm      | Tăng |           |                  |         |
| 1   | <b>Nhà trước, giữa:</b> Mái tole fibro xi măng (hoặc tole sóng tròn) - Nhà độc lập, khung cột BTCT, móng BTCT gia cố cừ các loại, nền lát gạch ceramic, tường gạch sơn hoàn thiện, trần thạch cao không có hoa văn trang trí, trần nhựa, cửa gỗ nhóm III hoặc IV, cửa sắt, cửa nhôm. | 54,56                       | 4.803.000     | 2.291.520 |      | 100       | 259.760.160      |         |

|                  |                                                                                                                                                                                                                                                                              |       |           |            |  |     |                    |  |
|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----------|------------|--|-----|--------------------|--|
| 1.1              | Nền lát gạch bông, gạch tàu                                                                                                                                                                                                                                                  | 54,56 | 42.000    | 2.291.520  |  |     |                    |  |
| 2                | <b>Nhà sau:</b> Mái tole fibro xi măng (hoặc tole sóng tròn) - Nhà độc lập, khung cột BTCT, móng BTCT gia cố cừ các loại, nền lát gạch ceramic, tường gạch sơn hoàn thiện, trần thạch cao không có hoa văn trang trí, trần nhựa, cửa gỗ nhóm III hoặc IV, cửa sắt, cửa nhôm. | 78,08 | 4.803.000 | 19.285.760 |  | 100 | 355.732.480        |  |
| 2.1              | Nền lát gạch bông, gạch tàu                                                                                                                                                                                                                                                  | 78,08 | 42.000    | 3.279.360  |  |     |                    |  |
| 2.2              | Không có trần                                                                                                                                                                                                                                                                | 78,08 | 205.000   | 16.006.400 |  |     |                    |  |
|                  | <b>Nhà bếp:</b> Nhà khung cột gỗ, cột gạch, cột bê tông đúc sẵn, mái lá, mái tole, vách lá, vách tole, không trần, nền láng xi măng                                                                                                                                          | 67,36 | 1.268.000 |            |  | 100 | 85.412.480         |  |
|                  | Mặt đứng chính tường xây gạch dày 10cm                                                                                                                                                                                                                                       | 16,80 | 100.000   |            |  | 100 | 1.680.000          |  |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                              |       |           |            |  |     | <b>702.585.120</b> |  |

### III. Công trình, vật kiến trúc khác:

| STT | Hạng mục                                                                                                       | Khối lượng (m <sup>2</sup> , m <sup>3</sup> , cái, ...) | Đơn giá (vnd) | Diễn giải |      | Tỷ lệ (%) | Thành tiền (vnd) | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------|-----------|------|-----------|------------------|---------|
|     |                                                                                                                |                                                         |               | Giảm      | Tăng |           |                  |         |
| 1   | <b>Mái che hông nhà:</b><br>Trần và mái nhà (Mái lá, kết cấu đỡ mái bằng cây tạp/gỗ tạp)                       | 24,00                                                   | 201.000       |           |      | 100       | 4.824.000        |         |
| 2   | <b>Chuồng gà 1:</b><br>Chuồng trại chăn nuôi gia súc (Cột đúc, xây tường lửng, mái lợp tole, nền láng xi măng) | 18,00                                                   | 1.038.000     |           |      | 100       | 18.684.000       |         |
| 3   | <b>Chuồng gà 2:</b><br>Chuồng trại chăn nuôi gia súc (Cột đúc, xây tường lửng, mái lợp tole, nền lót gạch tàu) | 40,00                                                   | 1.145.000     | 6.440.000 |      | 100       | 39.360.000       |         |
| 3.1 | Giảm nền gạch tàu                                                                                              | 40,00                                                   | 161.000       | 6.440.000 |      |           |                  |         |
| 4   | <b>Chuồng gà 2: Sân nền</b> (Nền đắp đất sét dày trung bình 15cm)                                              | 40,00                                                   | 35.000        |           |      | 100       | 1.400.000        |         |



|                  |                                            |        |  |  |  |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|------------------|--------------------------------------------|--------|--|--|--|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5                | Nhà lưới ươm giống phía trước (Nhà Màng 1) | 65,25  |  |  |  | 11.340.188         | Theo báo cáo kết quả xác định giá trị tài sản bị thiệt hại phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, kết quả xác định tỷ lệ chất lượng còn lại của nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng, báo cáo kết quả thẩm tra dự toán xác định giá trị tài sản bị thiệt hại phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. |
| 6                | Nhà lưới ươm giống phía sau (Nhà Màng 2)   | 641,52 |  |  |  | 62.046.263         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| <b>Tổng cộng</b> |                                            |        |  |  |  | <b>137.654.451</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

#### IV. Cây trồng:

| STT | Cây trồng                                              | ĐVT                 | Số lượng | Đơn giá (vnd) | Tỷ lệ (%) | Thành tiền (vnd) | Ghi chú                                                         |
|-----|--------------------------------------------------------|---------------------|----------|---------------|-----------|------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1   | Ớt                                                     | đồng/m <sup>2</sup> | 4,00     | 36.000        | 100       | 144.000          |                                                                 |
| 2   | Nghệ                                                   | đồng/m <sup>2</sup> | 50,00    | 20.000        | 100       | 1.000.000        |                                                                 |
| 3   | Sả                                                     | đồng/m <sup>2</sup> | 80,00    | 8.000         | 100       | 640.000          |                                                                 |
| 4   | Hồng Nhung - loại A (Trên 3 năm)                       | Đồng/cây            | 1,00     | 1.800.000     | 100       | 1.800.000        |                                                                 |
| 5   | Dừa thường - loại A (Trên 3 năm)                       | Đồng/cây            | 65,00    | 780.000       | 100       | 50.700.000       |                                                                 |
| 6   | Dừa thường - loại B (Từ 1 năm đến 3 năm)               | Đồng/cây            | 26,00    | 492.688       | 100       | 12.809.888       |                                                                 |
| 7   | Dừa thường - loại C (Dưới 1 năm)                       | Đồng/cây            | 8,00     | 278.200       | 100       | 2.225.600        |                                                                 |
| 8   | Vú sữa - loại A (Trên 3 năm)                           | Đồng/cây            | 12,00    | 2.000.000     | 100       | 24.000.000       |                                                                 |
| 9   | Chuối - loại A (Cây trong giai đoạn cho trái)          | Đồng/cây            | 60,00    | 70.000        | 100       | 4.200.000        |                                                                 |
| 10  | Chuối - loại B (Cây chưa cho trái (thân cao trên 1 m)) | Đồng/cây            | 130,00   | 40.000        | 100       | 5.200.000        |                                                                 |
| 11  | Thanh long các loại - loại B (Từ 1 năm đến 3 năm)      | Đồng/cây            | 6,00     | 630.000       | 100       | 3.780.000        |                                                                 |
| 12  | Khế - loại A (Trên 3 năm)                              | Đồng/cây            | 12,00    | 600.000       | 100       | 7.200.000        |                                                                 |
| 13  | Cóc các loại - loại A (Trên 3 năm)                     | Đồng/cây            | 5,00     | 800.000       | 100       | 4.000.000        |                                                                 |
| 14  | Sơ ri - loại A (Trên 3 năm)                            | Đồng/cây            | 3,00     | 720.000       | 100       | 2.160.000        |                                                                 |
| 15  | Xoài khác - loại A (Trên 3 năm)                        | Đồng/cây            | 9,00     | 644.800       | 100       | 5.803.200        |                                                                 |
| 16  | Sa kê - loại A (Trên 4 năm)                            | Đồng/cây            | 2,00     | 1.100.000     | 100       | 2.200.000        |                                                                 |
| 17  | Cà Na - loại B (Từ 1 năm đến 3 năm)                    | Đồng/cây            | 1,00     | 900.000       | 100       | 900.000          | Cây Chà là không có trong QĐ 1510 nên áp cây tương tự cùng loại |

|    |                                                              |                     |       |           |     |            |                                                                  |
|----|--------------------------------------------------------------|---------------------|-------|-----------|-----|------------|------------------------------------------------------------------|
| 18 | Ôi các loại - loại A (Trên 2 năm)                            | Đồng/cây            | 5,00  | 234.000   | 100 | 1.170.000  |                                                                  |
| 19 | Nhãn da bò, nhãn khác - loại A (Trên 3 năm)                  | Đồng/cây            | 6,00  | 1.053.000 | 100 | 6.318.000  |                                                                  |
| 20 | Me thường - loại A (Trên 3 năm)                              | Đồng/cây            | 4,00  | 1.500.000 | 100 | 6.000.000  |                                                                  |
| 21 | Bưởi năm Roi - loại A (Trên 3 năm)                           | Đồng/cây            | 2,00  | 1.300.000 | 100 | 2.600.000  |                                                                  |
| 22 | Mít khác - loại A (Trên 2 năm)                               | Đồng/cây            | 2,00  | 1.196.000 | 100 | 2.392.000  |                                                                  |
| 23 | Chanh bông tím, chanh khác - loại B (Từ 1 năm đến 2 năm)     | Đồng/cây            | 7,00  | 180.000   | 100 | 1.260.000  |                                                                  |
| 24 | Hạnh (Tắc) - loại B (Từ 1 năm đến 2 năm)                     | Đồng/cây            | 3,00  | 140.000   | 100 | 420.000    |                                                                  |
| 25 | Cam sành - loại A (Trên 3 năm)                               | Đồng/cây            | 3,00  | 540.000   | 100 | 1.620.000  |                                                                  |
| 26 | Mận khác - loại A (Trên 3 năm)                               | Đồng/cây            | 5,00  | 1.200.000 | 100 | 6.000.000  |                                                                  |
| 27 | Sa bô chê - loại B (Từ 1 năm đến 3 năm)                      | Đồng/cây            | 2,00  | 853.000   | 100 | 1.706.000  |                                                                  |
| 28 | Đu đủ - loại B (Cây chưa cho trái)                           | Đồng/cây            | 9,00  | 100.000   | 100 | 900.000    |                                                                  |
| 29 | Mãng cầu ta - loại A (Trên 3 năm)                            | Đồng/cây            | 6,00  | 585.000   | 100 | 3.510.000  |                                                                  |
| 30 | Cà Na - loại B (Từ 1 năm đến 3 năm)                          | Đồng/cây            | 3,00  | 900.000   | 100 | 2.700.000  | Cây Vải không có trong QĐ 1510 nên áp giá cây tương tự cùng loại |
| 31 | Bơ các loại - loại A (Trên 5 năm)                            | Đồng/cây            | 1,00  | 920.000   | 100 | 920.000    |                                                                  |
| 32 | Chùm Ruột - loại A (Trên 3 năm)                              | Đồng/cây            | 2,00  | 300.000   | 100 | 600.000    |                                                                  |
| 33 | Cà Na - loại B (Từ 1 năm đến 3 năm)                          | Đồng/cây            | 1,00  | 900.000   | 100 | 900.000    |                                                                  |
| 34 | Đinh lăng - loại B (Từ 1 năm đến 3 năm)                      | Đồng/cây            | 20,00 | 160.000   | 100 | 3.200.000  |                                                                  |
| 35 | Dừa dứa; Dừa sáp - loại A (Trên 3 năm)                       | Đồng/cây            | 6,00  | 1.200.000 | 100 | 7.200.000  |                                                                  |
| 36 | Cây trồng cho sinh khối - loại A - Thuộc gỗ nhóm IV đến V    | Đồng/m <sup>3</sup> | 0,589 | 4.500.000 | 100 | 2.649.375  | xà cừ đk 0,5m cao 6m                                             |
| 37 | Cây trồng cho sinh khối - loại A - Thuộc gỗ nhóm VI đến VIII | Đồng/m <sup>3</sup> | 2,826 | 4.000.000 | 100 | 11.304.000 | cây gòn đk 0,6 cao 10m sl 02 cây                                 |
| 38 | Cây trồng cho sinh khối - loại A - Thuộc gỗ nhóm VI đến VIII | Đồng/m <sup>3</sup> | 3,356 | 4.000.000 | 100 | 13.423.500 | cây so đũa đk 0,5m cao 3,8m sl 09 cây                            |
| 39 | Cây trồng cho sinh khối - loại A - Thuộc gỗ nhóm VI đến VIII | Đồng/m <sup>3</sup> | 0,502 | 4.000.000 | 100 | 2.009.600  | cây bằng lăng đk 0,4m cao 4m sl 02 cây                           |



|                  |                                                                                              |                     |        |           |     |                    |                |
|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------|-----------|-----|--------------------|----------------|
| 40               | Trúc các loại - loại A - Cây cho sản phẩm khai thác                                          | đồng/m <sup>2</sup> | 10,00  | 900.000   | 100 | 9.000.000          |                |
| 41               | Hỗ trợ di dời cây kiềng - Chậu có đường kính từ 50cm đến 90cm                                | đồng/chậu           | 15,00  | 26.000    | 100 | 390.000            |                |
| 42               | Hỗ trợ di dời cây kiềng - Chậu có đường kính từ 30cm đến nhỏ hơn 50cm                        | đồng/chậu           | 11,00  | 20.000    | 100 | 220.000            |                |
| 43               | Hỗ trợ di dời cây kiềng - Loại trồng thẳng xuống đất (đường kính lớn hơn 20cm)               | đồng/cây            | 5,00   | 1.400.000 | 100 | 7.000.000          | Mai Chế thủy   |
| 44               | Hỗ trợ di dời cây kiềng - Loại trồng thẳng xuống đất (đường kính lớn hơn 20cm)               | đồng/cây            | 120,00 | 1.400.000 | 100 | 168.000.000        | Mai            |
| 45               | Hỗ trợ di dời cây kiềng - Loại trồng thẳng xuống đất (đường kính từ 10 cm đến nhỏ hơn 20 cm) | đồng/cây            | 80,00  | 1.100.000 | 100 | 88.000.000         | Mai            |
| 46               | Hỗ trợ di dời cây kiềng - Loại trồng thẳng xuống đất (đường kính từ 5 cm đến nhỏ hơn 10 cm)  | đồng/cây            | 20,00  | 800.000   | 100 | 16.000.000         | Mai            |
| 47               | Hỗ trợ di dời cây kiềng - Loại trồng thẳng xuống đất (đường kính lớn hơn 20cm)               | đồng/cây            | 16,00  | 1.400.000 | 100 | 22.400.000         | Bông hồng      |
| 48               | Hỗ trợ di dời cây kiềng - Loại trồng thẳng xuống đất (đường kính lớn hơn 20cm)               | đồng/cây            | 15,00  | 1.400.000 | 100 | 21.000.000         | Bông trang     |
| 49               | Hỗ trợ di dời cây kiềng - Loại trồng thẳng xuống đất (đường kính lớn hơn 20cm)               | đồng/cây            | 6,00   | 1.400.000 | 100 | 8.400.000          | Hoa lài        |
| 50               | Hỗ trợ di dời cây kiềng - Loại trồng thẳng xuống đất (đường kính lớn hơn 20cm)               | đồng/cây            | 2,00   | 1.400.000 | 100 | 2.800.000          | Hoàng hậu      |
| 51               | Hỗ trợ di dời cây kiềng - Loại trồng thẳng xuống đất (đường kính lớn hơn 20cm)               | đồng/cây            | 8,00   | 1.400.000 | 100 | 11.200.000         | Cây Nguyệt quế |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                                              |                     |        |           |     | <b>561.975.163</b> |                |

## B. Chính sách hỗ trợ:

### I. Hỗ trợ khác:

#### I.1. Nhà:

| STT              | Loại nhà                                                                                                                                      | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Đơn giá (vnd) | Diễn giải |      | Tỷ lệ (%) | Thành tiền (vnd)  | Ghi chú                                          |
|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------|-----------|------|-----------|-------------------|--------------------------------------------------|
|                  |                                                                                                                                               |                             |               | Giảm      | Tăng |           |                   |                                                  |
| 1                | <b>Nhà bếp:</b> Nhà khung cột gỗ, cột gạch, cột bê tông đúc sẵn, mái lá, mái tole, vách lá, vách tole, không trần, nền láng xi măng           | 9,64                        | 1.268.000     |           |      | 70        | 8.556.464         | Phần diện tích nhà xây dựng trên đất nông nghiệp |
| 2                | <b>Nhà tạm trước sân:</b> Nhà khung cột gỗ, cột gạch, cột bê tông đúc sẵn, mái lá, mái tole, vách lá, vách tole, không trần, nền láng xi măng | 36,00                       | 1.268.000     |           |      | 70        | 31.953.600        |                                                  |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                                                                                               |                             |               |           |      |           | <b>40.510.064</b> |                                                  |



## I.2. Công trình:

| STT              | Hạng mục                                                                                                                                             | Khối lượng (m <sup>2</sup> , m <sup>3</sup> , cái, ...) | Đơn giá (vnd) | Diễn giải |      | Tỷ lệ (%) | Thành tiền (vnd)   | Ghi chú                                                                |
|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------|-----------|------|-----------|--------------------|------------------------------------------------------------------------|
|                  |                                                                                                                                                      |                                                         |               | Giảm      | Tăng |           |                    |                                                                        |
| 1                | <b>Hàng rào mặt tiền:</b> Hàng rào (Lưới B40, cọc gỗ)                                                                                                | 36,00                                                   | 144.000       |           |      | 70        | 3.628.800          | Công trình, vật kiến trúc xây dựng trên phần diện tích đất nông nghiệp |
| 2                | <b>Cột cổng rào:</b> Khối xây gạch ống                                                                                                               | 1,024                                                   | 1.617.000     |           |      | 70        | 1.159.066          |                                                                        |
| 3                | <b>Cửa cổng:</b> Hàng rào (Trụ sắt, khung song sắt)                                                                                                  | 11,20                                                   | 930.000       |           |      | 70        | 7.291.200          |                                                                        |
| 4                | <b>Hàng rào giữa thửa đất:</b> Hàng rào (Lưới B40 cọc đá, cọc BTCT đúc sẵn)                                                                          | 11,00                                                   | 259.000       |           |      | 70        | 1.994.300          |                                                                        |
| 5                | <b>Sân nền:</b> Sân nền (Láng xi măng - có lót BT đá 4x6)                                                                                            | 96,00                                                   | 198.000       |           |      | 70        | 13.305.600         |                                                                        |
| 6                | <b>Sân nền:</b> Sân nền (Láng xi măng - có lót BT đá 4x6)                                                                                            | 300,00                                                  | 198.000       |           |      | 70        | 41.580.000         |                                                                        |
| 7                | <b>Sân nền:</b> Sân nền (Láng xi măng - có lót BT đá 4x6)                                                                                            | 20,00                                                   | 198.000       |           |      | 70        | 2.772.000          |                                                                        |
| 8                | <b>Sân nền:</b> Sân nền (Láng xi măng - có lót BT đá 4x6)                                                                                            | 27,50                                                   | 198.000       |           |      | 70        | 3.811.500          | Công trình, vật kiến trúc xây dựng trên phần diện tích đất nông nghiệp |
| 9                | <b>Sân nền:</b> Sân nền (Láng xi măng - có lót BT đá 4x6)                                                                                            | 17,60                                                   | 198.000       |           |      | 70        | 2.439.360          |                                                                        |
| 10               | <b>Sân nền:</b> Sân nền (Láng xi măng - có lót BT đá 4x6)                                                                                            | 304,00                                                  | 198.000       |           |      | 70        | 42.134.400         |                                                                        |
| 11               | <b>Sân nền:</b> Sân nền (Láng xi măng - có lót BT đá 4x6)                                                                                            | 30,00                                                   | 198.000       |           |      | 70        | 4.158.000          |                                                                        |
| 12               | <b>Sân nền ngoài vườn ươm phía sau:</b> Sân nền (Lót gạch tàu, đal xi măng)                                                                          | 30,21                                                   | 161.000       |           |      | 70        | 3.404.667          |                                                                        |
| 13               | <b>Sân nền kế chuồng gà:</b> Sân nền (Láng xi măng - có lót BT gạch vỡ)                                                                              | 48,00                                                   | 134.000       |           |      | 70        | 4.502.400          |                                                                        |
| 14               | <b>Nền dưới mái che hông nhà:</b> Sân nền (Lót gạch tàu, đal xi măng)                                                                                | 24,00                                                   | 161.000       |           |      | 70        | 2.704.800          |                                                                        |
| 15               | <b>Cột bê tông đúc sẵn 10x10:</b> Cột bê tông đúc sẵn 10x10                                                                                          | 86,00                                                   | 100.000       |           |      | 70        | 6.020.000          |                                                                        |
| 16               | <b>Nhà vệ sinh:</b> Nhà vệ sinh các loại (Tường gạch, mái tole/fibro ximăng, xí xôm, có hầm cầu bằng ống bê tông đúc sẵn, nền lát gạch ceramic nhám) | 3,00                                                    | 4.704.000     |           |      | 70        | 9.878.400          |                                                                        |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                                                                                                      |                                                         |               |           |      |           | <b>150.784.493</b> |                                                                        |

## II. Hỗ trợ di chuyển:

| STT | Nội dung         | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Mức hỗ trợ (vnd) | Thành tiền (vnd) | Ghi chú                                                                                              |
|-----|------------------|----------|-----------|------------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Hỗ trợ di chuyển | 1        | 50        | 15.000.000       | 7.500.000        | Nhà ở bị giải tỏa có diện tích xây dựng trên 100 m <sup>2</sup> được bồi thường, hỗ trợ 15.000.000đ. |

|                  |  |  |  |  |                  |                                                                                                  |
|------------------|--|--|--|--|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                  |  |  |  |  |                  | Trường hợp còn phần đất chưa thu hồi hết (ổn định tại nơi ở cũ) mức hỗ trợ 50%. Giảm 7.500.000đ. |
| <b>Tổng cộng</b> |  |  |  |  | <b>7.500.000</b> |                                                                                                  |

**III. Đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với thu hồi đất NN:**

| STT              | Diện tích đất nông nghiệp thu hồi | Mức hỗ trợ (%) | Giá đất hỗ trợ (vnđ) | Thành tiền (vnđ)   | Ghi chú                                                                                                                                                |
|------------------|-----------------------------------|----------------|----------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                | 949,80                            | 150            | 300.000              | 427.410.000        | Vị trí 1 mặt tiền Lý Thánh Tông                                                                                                                        |
| 2                | 1.056,20                          | 150            | 150.000              | 237.645.000        | Vị trí 2 mặt tiền Lý Thánh Tông                                                                                                                        |
| 3                | 1.198,90                          | 150            | 70.000               | 125.884.500        | Vị trí còn lại                                                                                                                                         |
| <b>Tổng cộng</b> |                                   |                |                      | <b>790.939.500</b> | Do 200 m <sup>2</sup> diện tích nhà, công trình phụ xây trên đất ở được bồi thường 100% nên chỉ hỗ trợ 1,5 lần trên diện tích 3204,90 m <sup>2</sup> . |

**IV. Hỗ trợ bàn giao mặt bằng đúng quy định:**

| STT              | Tổng giá trị bồi thường đất nhà, công trình, cây trồng, hỗ trợ khác nhà, công trình | Tỷ lệ (%) | Thành tiền (vnđ) | Ghi chú                                                               |
|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| 1                | 8.068.189.691                                                                       | 4         | 5.000.000        | Được tính bằng 4% tổng số tiền bồi thường, không vượt mức 5.000.000 đ |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                                     |           | <b>5.000.000</b> |                                                                       |

**\* TỔNG CỘNG SỐ TIỀN ĐƯỢC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: 8.871.629.191 đồng**

*(Bằng chữ: Tám tỷ, tám trăm bảy mươi một triệu, sáu trăm hai mươi chín ngàn, một trăm chín mươi một đồng)*

**- Tổng cộng số tiền bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh bổ sung: 8.871.629.191 đ**

**- Tổng cộng số tiền được bồi thường, hỗ trợ theo quyết định số**

**2760/QĐ-UBND, ngày 22/12/2023:**

**8.674.701.921 đ**

**- Tổng cộng số tiền bổ sung:**

**196.927.270 đ**

**(Bằng chữ: Một trăm chín mươi sáu triệu, chín trăm hai mươi bảy ngàn, hai trăm bảy mươi đồng)**



**BẢNG TÍNH CHI TIẾT CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ  
DỰ ÁN ĐƯỜNG VÀNH ĐAI (ĐOẠN TỪ NGÃ BA LÊ DUẨN - PHẠM HÙNG, PHƯỜNG 8 ĐẾN  
ĐƯỜNG TRẦN QUỐC TOẢN, PHƯỜNG 6, THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG),  
TỈNH SÓC TRĂNG**

(Kèm theo Quyết định số 602/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 5 năm 2025  
của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng)

Họ và tên: Nguyễn Thị Thúy Linh - Trần Hoàng An

Địa chỉ thường trú/tạm trú: số 10,15 đường Trần Quốc Toản, Phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**A. Chính sách bồi thường:**

**I. Các loại đất:**

| STT              | Loại đất | Vị trí/tên đường                                                                              | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Đơn giá (vnđ) | Thành tiền (vnđ)   | Số tờ | Số thửa | Ghi chú |
|------------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------|--------------------|-------|---------|---------|
| 1                | ODT      | Vị trí 1; Thửa đất tiếp giáp đường Trần Quốc Toản (đoạn đường Hùng Vương – Cống rạch Trà Men) | 7,60                        | 9.409.000     | 71.508.400         | 2     | 849     |         |
| 2                | CLN      | Vị trí 1; Thửa đất tiếp giáp đường Trần Quốc Toản (đoạn đường Hùng Vương - cống rạch Trà Men) | 88,80                       | 2.706.000     | 240.292.800        | 2     | 849     |         |
| <b>Tổng cộng</b> |          |                                                                                               | <b>96,40</b>                |               | <b>311.801.200</b> |       |         |         |

**II. Nhà và công trình phụ:**

| STT              | Loại nhà                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Đơn giá (vnđ) | Diễn giải  |      | Tỷ lệ (%) | Thành tiền (vnđ)   | Ghi chú |
|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------|------------|------|-----------|--------------------|---------|
|                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                             |               | Giảm       | Tăng |           |                    |         |
| 1                | <b>Nhà:</b> Mái tole sóng vuông (hoặc tole giả ngói) - Nhà độc lập, khung cột BTCT (kể cả cột BTĐS, cột gỗ, cột thép, khung thép), (móng không phải BTCT gia cố cừ các loại), nền lát gạch ceramic, tường gạch sơn hoàn thiện, trần thạch cao không có hoa văn trang trí, trần nhựa, cửa gỗ nhóm III hoặc IV, cửa sắt, cửa nhôm. | 60,00                       | 3.271.000     | 11.760.000 |      | 100       | 184.500.000        |         |
| 1.1              | Không có trần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 60,00                       | 196.000       | 11.760.000 |      |           |                    |         |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                             |               |            |      |           | <b>184.500.000</b> |         |

**III. Công trình, vật kiến trúc khác:**

| STT | Hạng mục                                                             | Khối lượng (m <sup>2</sup> , m <sup>3</sup> , cái, ...) | Đơn giá (vnđ) | Diễn giải |      | Tỷ lệ (%) | Thành tiền (vnđ) | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------|-----------|------|-----------|------------------|---------|
|     |                                                                      |                                                         |               | Giảm      | Tăng |           |                  |         |
| 1   | <b>Sàn lững:</b> Sàn (Trụ BTCT, đà gỗ, sàn lót ván (gỗ nhóm 4))      | 40,00                                                   | 1.787.000     |           |      | 100       | 71.480.000       |         |
| 2   | <b>Lan can và cầu thang lững:</b> Hàng rào (Trụ sắt, khung song sắt) | 13,09                                                   | 930.000       |           |      | 100       | 12.173.700       |         |



|                  |                                                                     |       |                                                                                                                                             |  |  |     |                    |  |
|------------------|---------------------------------------------------------------------|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-----|--------------------|--|
| 3                | <b>Ốp tường nhà:</b> Ốp tường/cột gạch ceramic                      | 30,00 | 282.000                                                                                                                                     |  |  | 100 | 8.460.000          |  |
| 4                | <b>Ốp tường nhà vệ sinh:</b> Ốp tường/cột gạch ceramic              | 7,28  | 282.000                                                                                                                                     |  |  | 100 | 2.052.960          |  |
| 5                | <b>Ốp tường hàng ba:</b> Ốp tường/cột gạch ceramic                  | 14,82 | 282.000                                                                                                                                     |  |  | 100 | 4.179.240          |  |
| 6                | <b>Ốp tường mặt tiền nhà:</b> Ốp tường/cột gạch ceramic             | 23,60 | 282.000                                                                                                                                     |  |  | 100 | 6.655.200          |  |
| 7                | <b>Tường rào:</b> Tường xây tô gạch ống dày 10 cm                   | 8,00  | 296.000                                                                                                                                     |  |  | 100 | 2.368.000          |  |
| 8                | <b>Ốp tường rào:</b> Ốp tường/cột gạch ceramic                      | 8,00  | 282.000                                                                                                                                     |  |  | 100 | 2.256.000          |  |
| 9                | <b>Cổng rào:</b> Hàng rào (Trụ sắt, khung song sắt)                 | 15,12 | 930.000                                                                                                                                     |  |  | 100 | 14.061.600         |  |
| 10               | <b>Mái che:</b> Trần và mái nhà (Mái tole + kết cấu đỡ mái bằng gỗ) | 14,40 | 254.000                                                                                                                                     |  |  | 100 | 3.657.600          |  |
| 11               | <b>Sân nền ngoài cổng:</b> Sân nền (Lót gạch xi măng (Gạch bông))   | 31,20 | Xây dựng năm 2022, trên hành lang lộ giới nên không được bồi thường theo quy định Chỉ thị 12/CT-UBND ngày 14/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh. |  |  |     |                    |  |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                     |       |                                                                                                                                             |  |  |     | <b>127.344.300</b> |  |

## B. Chính sách hỗ trợ:

### I. Hỗ trợ khác:

#### I.1. Nhà:

| STT              | Loại nhà                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Đơn giá (vnd) | Diễn giải |      | Tỷ lệ (%) | Thành tiền (vnd)   | Ghi chú                                                                                         |
|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------|-----------|------|-----------|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                             |               | Giảm      | Tăng |           |                    |                                                                                                 |
| 1                | <b>Nhà:</b> Mái tole sóng vuông (hoặc tole giả ngói) - Nhà độc lập, khung cột BTCT (kể cả cột BTĐS, cột gỗ, cột thép, khung thép), (móng không phải BTCT gia cố cừ các loại), nền lát gạch ceramic, tường gạch sơn hoàn thiện, trần thạch cao không có hoa văn trang trí, trần nhựa, cửa gỗ nhóm III hoặc IV, cửa sắt, cửa nhôm. | 64,00                       | 3.271.000     | 8.780.800 |      | 70        | 137.760.000        | Phần diện tích nhà xây dựng trên diện tích đất nông nghiệp và đất lộ giới trong giấy chứng nhận |
| 2.1              | Không có trần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 64,00                       | 196.000       | 8.780.800 |      | 70        |                    |                                                                                                 |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                             |               |           |      |           | <b>137.760.000</b> |                                                                                                 |

### II. Hỗ trợ di chuyển:

| STT              | Nội dung         | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Mức hỗ trợ (vnd) | Thành tiền (vnd) | Ghi chú                                                                                                                                                                                               |
|------------------|------------------|----------|-----------|------------------|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                | Hỗ trợ di chuyển | 1        | 50        | 15.000.000       | 7.500.000        | Nhà ở bị giải tỏa có diện tích xây dựng trên 100 m <sup>2</sup> được bồi thường, hỗ trợ 15.000.000đ. Trường hợp còn phần đất chưa thu hồi hết (ổn định tại nơi ở cũ) mức hỗ trợ 50%. Giảm 7.500.000đ. |
| <b>Tổng cộng</b> |                  |          |           |                  | <b>7.500.000</b> |                                                                                                                                                                                                       |

**III. Đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với thu hồi đất NN:**

| STT              | Diện tích đất nông nghiệp thu hồi | Mức hỗ trợ (%) | Giá đất hỗ trợ (vnđ) | Thành tiền (vnđ)  | Ghi chú |
|------------------|-----------------------------------|----------------|----------------------|-------------------|---------|
| 1                | 88,80                             | 150            | 270.000              | 23.976.000        |         |
| <b>Tổng cộng</b> |                                   |                |                      | <b>23.976.000</b> |         |

**IV. Hỗ trợ bàn giao mặt bằng đúng quy định:**

| STT              | Tổng giá trị bồi thường nhà, công trình, hỗ trợ khác nhà, công trình | Tỷ lệ (%) | Thành tiền (vnđ) | Ghi chú                                                             |
|------------------|----------------------------------------------------------------------|-----------|------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 1                | 761.405.500                                                          | 4         | 5.000.000        | Được tính bằng 4% tổng số tiền bồi thường, không vượt mức 5.000.000 |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                      |           | <b>5.000.000</b> |                                                                     |

**\* TỔNG CỘNG SỐ TIỀN ĐƯỢC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: 797.881.500 đồng**

*(Bằng chữ: Bảy trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm tám mươi một ngàn, năm trăm đồng)*

**- Tổng cộng số tiền được bồi thường, hỗ trợ theo quyết định số**

**2760/QĐ-UBND, ngày 22/12/2023:**

**846.373.500 đ**

**- Tổng cộng số tiền bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh:**

**797.881.500 đ**

**- Chênh lệch giảm:**

**-48.492.000 đ**

*(Bằng chữ: Bốn mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi hai ngàn đồng)*



BẢNG TÍNH CHI TIẾT CHI PHÍ BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN ĐƯỜNG VÀNH ĐẠI (ĐOẠN TỪ NGÃ BA LÊ DUẨN - PHẠM HÙNG, PHƯỜNG 8 ĐẾN ĐƯỜNG TRẦN QUỐC TOẢN, PHƯỜNG 6, THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG), TỈNH SÓC TRĂNG

(Kèm theo Quyết định số 602/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng)

Họ và tên: **Trần Thị Na Vi**

Địa chỉ thường trú/tạm trú: số 109/8C đường Trần Quốc Toản, Phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**A. Chính sách hỗ trợ:**

**I. Hỗ trợ khác:**

**I.1. Nhà:**

| STT              | Loại nhà                                                                                                                                                                                                                                                             | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Đơn giá (vnd) | Diễn giải |      | Tỷ lệ (%) | Thành tiền (vnd)  | Ghi chú                                                                   |
|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------|-----------|------|-----------|-------------------|---------------------------------------------------------------------------|
|                  |                                                                                                                                                                                                                                                                      |                             |               | Giảm      | Tăng |           |                   |                                                                           |
| 1                | <b>Nhà:</b> Mái tole sóng vuông (hoặc tole giả ngói) - Nhà độc lập, khung cột BTCT, móng BTCT gia cố cừ các loại, nền lát gạch ceramic, tường gạch sơn hoàn thiện, trần thạch cao không có hoa văn trang trí, trần nhựa, cửa gỗ nhóm III hoặc IV, cửa sắt, cửa nhôm. | 18,00                       | 4.939.000     | 2.583.000 |      | 70        | 59.648.400        | Nhà xây dựng trên phần diện tích đất nông nghiệp của ông Nguyễn Thanh Tạo |
| 1.1              | Không có trần                                                                                                                                                                                                                                                        | 18,00                       | 205.000       | 2.583.000 |      | 70        |                   |                                                                           |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                      |                             |               |           |      |           | <b>59.648.400</b> |                                                                           |

**I.2. Công trình:**

| STT              | Hạng mục                                          | Khối lượng (m <sup>2</sup> , m <sup>3</sup> , cái, ...) | Đơn giá (vnd) | Diễn giải |      | Tỷ lệ (%) | Thành tiền (vnd) | Ghi chú                                                                                         |
|------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------|-----------|------|-----------|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                  |                                                   |                                                         |               | Giảm      | Tăng |           |                  |                                                                                                 |
| 1                | <b>Ôp tường:</b> Ôp tường/cột gạch ceramic        | 7,00                                                    | 282.000       |           |      | 70        | 1.381.800        | Công trình, vật kiến trúc xây dựng trên phần diện tích đất nông nghiệp của ông Nguyễn Thanh Tạo |
| 2                | <b>Tường bép:</b> Tường xây tô gạch ống dày 10 cm | 7,00                                                    | 296.000       |           |      | 70        | 1.450.400        |                                                                                                 |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                   |                                                         |               |           |      |           | <b>2.832.200</b> |                                                                                                 |

**II. Hỗ trợ di chuyển:**

| STT | Nội dung         | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Mức hỗ trợ (vnd) | Thành tiền (vnd) | Ghi chú                                                                     |
|-----|------------------|----------|-----------|------------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Hỗ trợ di chuyển | 1        | 100       | 5.000.000        | 5.000.000        | Nhà ở bị giải tỏa có diện tích xây dựng nhỏ hơn hoặc bằng 60 m <sup>2</sup> |



|                  |                  |  |
|------------------|------------------|--|
| <b>Tổng cộng</b> | <b>5.000.000</b> |  |
|------------------|------------------|--|

**III. Hỗ trợ bàn giao mặt bằng đúng quy định:**

| STT              | Tổng giá trị hỗ trợ khác nhà, công trình | Tỷ lệ (%) | Thành tiền (vnd) | Ghi chú                                                               |
|------------------|------------------------------------------|-----------|------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| 1                | 62.480.600                               | 4         | 2.499.224        | Được tính bằng 4% tổng số tiền bồi thường nhưng không quá 4.000.000 đ |
| <b>Tổng cộng</b> |                                          |           | <b>2.499.224</b> |                                                                       |

**\* TỔNG CỘNG SỐ TIỀN ĐƯỢC HỖ TRỢ: 69.979.824 đồng**  
*(Bằng chữ: Sáu mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi chín ngàn, tám trăm hai mươi bốn đồng)*

**- Tổng cộng số tiền được bồi thường, hỗ trợ theo quyết định số**

**2760/QĐ-UBND, 22/12/2023: 97.828.320 đ**

**- Tổng cộng số tiền được hỗ trợ điều chỉnh: 69.979.824 đ**

**- Chênh lệch giảm: -27.848.496 đ**

**(Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn, bốn trăm chín mươi sáu đồng)**



**BẢNG TÍNH CHI TIẾT CHI PHÍ BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN  
ĐƯỜNG VÀNH ĐAI I (ĐOẠN TỪ NGÃ BA LÊ DUẨN - PHẠM HÙNG, PHƯỜNG 8  
ĐÈN ĐƯỜNG TRẦN QUỐC TOẢN, PHƯỜNG 6, THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG),  
TỈNH SÓC TRĂNG**

(Kèm theo Quyết định số 602/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 5 năm 2025  
của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng)

Họ và tên: **Kim Thị Sa Phên**

Địa chỉ thường trú/tạm trú: số 109/8D đường Trần Quốc Toản, Phường 6, thành phố Sóc Trăng,  
tỉnh Sóc Trăng

**A. Chính sách hỗ trợ:**

**I. Hỗ trợ khác:**

**I.1. Nhà:**

| STT              | Loại nhà                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Đơn giá (vnđ) | Diễn giải |      | Tỷ lệ (%) | Thành tiền (vnđ)  | Ghi chú                                                                   |
|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------|-----------|------|-----------|-------------------|---------------------------------------------------------------------------|
|                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                             |               | Giảm      | Tăng |           |                   |                                                                           |
| 1                | <b>Nhà:</b> Nhà liên kế nhờ vách nhà liền cạnh (đơn giá bồi thường giảm 8% mỗi vách) - Mái tole tole sóng vuông (hoặc tole giả ngói) - khung cột BTCT (kể cả cột BTĐS, cột gỗ, cột thép, khung thép), (móng không phải BTCT gia cố cừ các loại), nền lát gạch ceramic, tường gạch sơn hoàn thiện, trần thạch cao không có hoa văn trang trí, trần nhựa, cửa gỗ nhóm III hoặc IV, cửa sắt, cửa nhôm. | 28,80                       | 3.271.000     | 3.951.360 |      | 64,4      | 56.716.531        | Nhà xây dựng trên phần diện tích đất nông nghiệp của ông Nguyễn Thanh Tạo |
| 1.1              | Không có trần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 28,80                       | 196.000       | 3.951.360 |      |           |                   |                                                                           |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                             |               |           |      |           | <b>56.716.531</b> |                                                                           |

**I.2. Công trình:**

| STT | Hạng mục                                                                                                             | Khối lượng (m <sup>2</sup> , m <sup>3</sup> , cái, ...) | Đơn giá (vnđ) | Diễn giải |      | Tỷ lệ (%) | Thành tiền (vnđ) | Ghi chú                                                         |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------|-----------|------|-----------|------------------|-----------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                      |                                                         |               | Giảm      | Tăng |           |                  |                                                                 |
| 1   | <b>Mái che hông nhà:</b> Trần và mái nhà (Mái tole + kết cấu đỡ mái bằng gỗ)                                         | 19,44                                                   | 254.000       |           |      | 70        | 3.456.432        | Công trình, vật kiến trúc xây dựng trên phần diện tích đất nông |
| 2   | <b>Nhà vệ sinh:</b> Nhà vệ sinh các loại (Tường gạch, mái tole/fibro ximăng, xí xôm, có hầm cầu bằng ống bê tông đúc | 3,22                                                    | 4.704.000     |           |      | 70        | 10.602.816       |                                                                 |

|                  |                                                                    |       |         |  |  |    |                   |                                                                                                 |
|------------------|--------------------------------------------------------------------|-------|---------|--|--|----|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                  | sẵn, nền lát gạch ceramic nhám)                                    |       |         |  |  |    |                   | nghiệp của ông Nguyễn Thanh Tạo                                                                 |
| 3                | Vách tường rào: Tường xây tô gạch ống dày 10 cm                    | 3,90  | 296.000 |  |  | 70 | 808.080           |                                                                                                 |
| 4                | Nền: Sân nền (Láng xi măng - có lót BT gạch vỡ)                    | 11,80 | 134.000 |  |  | 70 | 1.106.840         |                                                                                                 |
| 5                | Lót sàn: Lót nền, sàn gạch ceramic                                 | 11,80 | 223.000 |  |  | 70 | 1.841.980         | Công trình, vật kiến trúc xây dựng trên phần diện tích đất nông nghiệp của ông Nguyễn Thanh Tạo |
| 6                | Bếp: Tường xây tô gạch ống dày 10 cm                               | 1,56  | 296.000 |  |  | 70 | 323.232           |                                                                                                 |
| 7                | Mái che trước: Trần và mái nhà (Mái tole + kết cấu đỡ mái bằng gỗ) | 15,84 | 254.000 |  |  | 70 | 2.816.352         |                                                                                                 |
| 8                | Nền trước nhà: Sân nền (Láng xi măng - có lót BT đá 4x6)           | 15,84 | 198.000 |  |  | 70 | 2.195.424         |                                                                                                 |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                    |       |         |  |  |    | <b>23.151.156</b> |                                                                                                 |

### III. Hỗ trợ di chuyển:

| STT              | Nội dung         | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Mức hỗ trợ (vnđ) | Thành tiền (vnđ) | Ghi chú                                                                     |
|------------------|------------------|----------|-----------|------------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| 1                | Hỗ trợ di chuyển | 1        | 100       | 5.000.000        | 5.000.000        | Nhà ở bị giải tỏa có diện tích xây dựng nhỏ hơn hoặc bằng 60 m <sup>2</sup> |
| <b>Tổng cộng</b> |                  |          |           |                  | <b>5.000.000</b> |                                                                             |

### IV. Hỗ trợ bàn giao mặt bằng đúng quy định:

| STT              | Tổng giá trị hỗ trợ khác nhà, công trình | Tỷ lệ (%) | Thành tiền (vnđ) | Ghi chú                                                               |
|------------------|------------------------------------------|-----------|------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| 1                | 79.867.687                               | 4         | 3.194.707        | Được tính bằng 4% tổng số tiền bồi thường nhưng không quá 4.000.000 đ |
| <b>Tổng cộng</b> |                                          |           | <b>3.194.707</b> |                                                                       |

**\* TỔNG CỘNG SỐ TIỀN ĐƯỢC HỖ TRỢ: 88.062.394 đồng**

*(Bằng chữ: Tám mươi tám triệu, không trăm sáu mươi hai ngàn, ba trăm chín mươi bốn đồng)*

- Tổng cộng số tiền được bồi thường, hỗ trợ theo quyết định số

2760/QĐ-UBND, 22/12/2023:

123.548.280 đ

- Tổng cộng số tiền được hỗ trợ điều chỉnh:

88.062.394 đ

- Chênh lệch giảm:

-35.485.886 đ

*(Bằng chữ: Ba mươi lăm triệu, bốn trăm tám mươi lăm ngàn, tám trăm tám mươi sáu đồng)*



**BẢNG TÍNH CHI TIẾT CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN ĐƯỜNG VÀNH ĐAI I (ĐOẠN TỪ NGÃ BA LÊ DUẨN - PHẠM HÙNG, PHƯỜNG 8 ĐẾN ĐƯỜNG TRẦN QUỐC TOẢN, PHƯỜNG 6, THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG),**

**TỈNH SÓC TRĂNG**

(Kèm theo Quyết định số 602/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 5 năm 2025

của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng)

Họ và tên: **Kim Kon - Lâm Thị Sa Tha**

Địa chỉ thường trú/tạm trú: số 109/8D đường Trần Quốc Toản, Phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**A. Chính sách hỗ trợ:**

**I. Hỗ trợ nhà:**

| STT              | Loại nhà                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Đơn giá (vnd) | Diễn giải  |      | Tỷ lệ (%) | Thành tiền (vnd)  | Ghi chú                                                                   |
|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------|------------|------|-----------|-------------------|---------------------------------------------------------------------------|
|                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                             |               | Giảm       | Tăng |           |                   |                                                                           |
| 1                | Nhà liên kế nhờ vách nhà liền cạnh (đơn giá bồi thường giảm 8% mỗi vách) - Mái tole tole sóng vuông (hoặc tole giả ngói) - khung cột BTCT (kể cả cột BTĐS, cột gỗ, cột thép, khung thép), (móng không phải BTCT gia cố cử các loại), nền lát gạch ceramic, tường gạch sơn hoàn thiện, trần thạch cao không có hoa văn trang trí, trần nhựa, cửa gỗ nhóm III hoặc IV, cửa sắt, cửa nhôm. | 50,16                       | 3.271.000     | 11.797.632 |      | 64,4      | 93.865.612        | Nhà xây dựng trên phần diện tích đất nông nghiệp của ông Nguyễn Thanh Tạo |
| 1.1              | Nền lán xi măng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 50,16                       | 140.000       | 4.915.680  |      |           |                   |                                                                           |
| 1.2              | Không có trần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 50,16                       | 196.000       | 6.881.952  |      |           |                   |                                                                           |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                             |               |            |      |           | <b>93.865.612</b> |                                                                           |

**II. Hỗ trợ di chuyển:**

| STT              | Nội dung         | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Mức hỗ trợ (vnd) | Thành tiền (vnd) | Ghi chú                                                                     |
|------------------|------------------|----------|-----------|------------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| 1                | Hỗ trợ di chuyển | 1        | 100       | 5.000.000        | 5.000.000        | Nhà ở bị giải tỏa có diện tích xây dựng nhỏ hơn hoặc bằng 60 m <sup>2</sup> |
| <b>Tổng cộng</b> |                  |          |           |                  | <b>5.000.000</b> |                                                                             |

**III. Hỗ trợ bàn giao mặt bằng đúng quy định:**

| STT       | Tổng giá trị bồi thường nhà | Tỷ lệ (%) | Thành tiền (vnd) | Ghi chú                                                               |
|-----------|-----------------------------|-----------|------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| 1         | 93.865.612                  | 4         | 3.754.624        | Được tính bằng 4% tổng số tiền bồi thường nhưng không quá 4.000.000 đ |
| Tổng cộng |                             |           | 3.754.624        |                                                                       |

**\* TỔNG CỘNG SỐ TIỀN ĐƯỢC HỖ TRỢ: 102.620.236 đồng**

*(Bằng chữ: Một trăm lẻ hai triệu, sáu trăm hai mươi ngàn, hai trăm ba mươi sáu đồng)*

**- Tổng cộng số tiền được bồi thường, hỗ trợ theo quyết định số**

**2760/QĐ-UBND, 22/12/2023:**

**144.442.032 đ**

**- Tổng cộng số tiền được hỗ trợ điều chỉnh:**

**102.620.236 đ**

**- Chênh lệch giảm:**

**-41.821.796 đ**

**(Bằng chữ: Bốn mươi một triệu, tám trăm hai mươi một ngàn, bảy trăm chín mươi sáu đồng)**



**BẢNG TÍNH CHI TIẾT CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ  
DỰ ÁN ĐƯỜNG VÀNH ĐAI I (ĐOẠN TỪ NGÃ BA LÊ DUẨN - PHẠM HÙNG, PHƯỜNG  
8 ĐẾN ĐƯỜNG TRẦN QUỐC TOẢN, PHƯỜNG 6, THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG),  
TỈNH SÓC TRĂNG**

(Kèm theo Quyết định số 602/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 5 năm 2025  
của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng)

Họ và tên: **Mai Trường Xuân**

Địa chỉ thường trú: số 24 đường Lê Hoàng Chu, Phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**A. Chính sách bồi thường:**

**I. Các loại đất:**

| STT              | Loại đất | Vị trí/tên đường                                                                                                                                        | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Đơn giá (vnd) | Thành tiền (vnd)     | Số tờ | Số thửa | Ghi chú |
|------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------|----------------------|-------|---------|---------|
| 1                | LNK      | Vị trí 1; Thửa đất tiếp giáp Kênh Hồ Nước Ngọt cặp đường Kênh Hồ Nước Ngọt (Đường Lý Thánh Tông) (đoạn đường Hùng Vương – kênh Trường Thọ)              | 1.017,90                    | 1.962.000     | 1.997.119.800        | 25    | 29      |         |
| 2                | LNK      | Vị trí 2; Thửa đất tiếp giáp Kênh Hồ Nước Ngọt cặp đường Kênh Hồ Nước Ngọt (Đường Lý Thánh Tông) (đoạn đường Hùng Vương – kênh Trường Thọ)              | 2.070,30                    | 981.000       | 2.030.964.300        | 25    | 29      |         |
| 3                | LNK      | Còn lại; Thửa đất tiếp giáp kênh thủy lợi, tiếp giáp bờ đất cặp kênh; Thửa đất không tiếp giáp đường; không tiếp giáp kênh thủy lợi thuộc phạm vi dự án | 2.362,50                    | 252.000       | 595.350.000          | 25    | 29      |         |
| <b>Tổng cộng</b> |          |                                                                                                                                                         | <b>5.450,70</b>             |               | <b>4.623.434.100</b> |       |         |         |

**II. Cây trồng:**

| STT | Cây trồng                                              | ĐVT      | Số lượng | Đơn giá (vnd) | Tỷ lệ (%) | Thành tiền (vnd) | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------|----------|----------|---------------|-----------|------------------|---------|
| 1   | Chuối - loại A (Cây trong giai đoạn cho trái)          | Đồng/cây | 169,00   | 70.000        | 100       | 11.830.000       |         |
| 2   | Chuối - loại B (Cây chưa cho trái (thân cao trên 1 m)) | Đồng/cây | 199,00   | 40.000        | 100       | 7.960.000        |         |
| 3   | Mít khác - loại A (Trên 2 năm)                         | Đồng/cây | 1,00     | 1.196.000     | 100       | 1.196.000        |         |
| 4   | Mít khác - loại B (Từ 1 năm đến 2 năm)                 | Đồng/cây | 1,00     | 659.100       | 100       | 659.100          |         |
| 5   | Mận khác - loại A (Trên 3 năm)                         | Đồng/cây | 1,00     | 1.200.000     | 100       | 1.200.000        |         |
| 6   | Mận khác - loại B (Từ 1 năm đến 3 năm)                 | Đồng/cây | 1,00     | 500.000       | 100       | 500.000          |         |
| 7   | Cam sành - loại B (Từ 1 năm đến 3 năm)                 | Đồng/cây | 1,00     | 275.000       | 100       | 275.000          |         |
| 8   | Mãng cầu xiêm - loại B (Từ 1 năm đến 3 năm)            | Đồng/cây | 1,00     | 330.000       | 100       | 330.000          |         |
| 9   | Xoài khác - loại A (Trên 3 năm)                        | Đồng/cây | 5,00     | 644.800       | 100       | 3.224.000        |         |



|                  |                                                                                              |                     |       |           |     |                   |                                                  |
|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------|-----------|-----|-------------------|--------------------------------------------------|
| 10               | Bưởi năm Roi - loại A (Trên 3 năm)                                                           | Đồng/cây            | 24,00 | 1.300.000 | 100 | 31.200.000        |                                                  |
| 11               | Bưởi năm Roi - loại B (Từ 1 năm đến 3 năm)                                                   | Đồng/cây            | 0,30  | 575.000   | 100 | 172.500           |                                                  |
| 12               | Nhãn da bò, nhãn khác - loại C (Dưới 1 năm)                                                  | Đồng/cây            | 10,00 | 318.500   | 100 | 3.185.000         |                                                  |
| 13               | Vú sữa - loại A (Trên 3 năm)                                                                 | Đồng/cây            | 1,00  | 2.000.000 | 100 | 2.000.000         |                                                  |
| 14               | Chanh bông tím, chanh khác - loại B (Từ 1 năm đến 2 năm)                                     | Đồng/cây            | 1,00  | 180.000   | 100 | 180.000           |                                                  |
| 15               | Hạnh (Tắc) - loại B (Từ 1 năm đến 2 năm)                                                     | Đồng/cây            | 1,00  | 140.000   | 100 | 140.000           |                                                  |
| 16               | Ổi các loại - loại B (Từ 1 năm đến 2 năm)                                                    | Đồng/cây            | 1,00  | 143.000   | 100 | 143.000           |                                                  |
| 17               | Dừa thường - loại A (Trên 3 năm)                                                             | Đồng/cây            | 12,00 | 780.000   | 100 | 9.360.000         |                                                  |
| 18               | Cây trồng cho sinh khối - loại A - Thuộc gỗ nhóm VI đến VIII                                 | Đồng/m <sup>3</sup> | 0,008 | 4.000.000 | 100 | 31.400            | Cây bàng<br>Đường kính 0,1m<br>Chiều cao 2m      |
| 19               | Cây trồng cho sinh khối - loại A - Thuộc gỗ nhóm VI đến VIII                                 | Đồng/m <sup>3</sup> | 0,031 | 4.000.000 | 100 | 125.600           | Cây Chùm ngây<br>Đường kính 0,2m<br>Chiều cao 2m |
| 20               | Cây trồng chưa cho sinh khối - loại B - Thuộc gỗ nhóm VI đến VIII                            | Đồng/cây            | 30,00 | 25.000    | 100 | 750.000           | Cây bình bác                                     |
| 21               | Hỗ trợ di dời cây kiểng - Loại trồng thẳng xuống đất (đường kính từ 10 cm đến nhỏ hơn 20 cm) | đồng/cây            | 6,00  | 1.100.000 | 100 | 6.600.000         | Cây cau                                          |
| 22               | Hỗ trợ di dời cây kiểng - Loại trồng thẳng xuống đất (đường kính từ 5 cm đến nhỏ hơn 10 cm)  | đồng/cây            | 2,00  | 800.000   | 100 | 1.600.000         | cây mai                                          |
| 23               | Hỗ trợ di dời cây kiểng - Chậu có đường kính từ 50cm đến 90cm                                | đồng/chậu           | 1,00  | 26.000    | 100 | 26.000            |                                                  |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                                              |                     |       |           |     | <b>82.687.600</b> |                                                  |

## B. Chính sách hỗ trợ:

### I. Hỗ trợ khác:

#### I.1. Nhà:

| STT | Loại nhà                                                           | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Đơn giá (vnd) | Diễn giải |      | Tỷ lệ (%) | Thành tiền (vnd) | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------|-----------|------|-----------|------------------|---------|
|     |                                                                    |                             |               | Giảm      | Tăng |           |                  |         |
| 1   | Nhà: Mái tole sóng vuông (hoặc tole giá ngói) - Nhà độc lập, khung | 66,88                       | 4.939.000     | 1.966.272 |      | 70        | 229.257.952      | Nhà xây |

|                  |                                                                                                                                                                                            |       |        |           |  |                    |                           |
|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|--------|-----------|--|--------------------|---------------------------|
|                  | cột BTCT, móng BTCT gia cố cừ các loại, nền lát gạch ceramic, tường gạch sơn hoàn thiện, trần thạch cao không có hoa văn trang trí, trần nhựa, cửa gỗ nhóm III hoặc IV, cửa sắt, cửa nhôm. |       |        |           |  |                    | dựng trên đất nông nghiệp |
| 1.1              | Nền lát gạch bông, gạch tàu                                                                                                                                                                | 66,88 | 42.000 | 1.966.272 |  |                    |                           |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                                                                                                                                            |       |        |           |  | <b>229.257.952</b> |                           |

## I.2. Công trình:

| STT | Hạng mục                                                                                                                | Khối lượng<br>(m <sup>2</sup> , m <sup>3</sup> ,<br>cái, ...) | Đơn giá<br>(vnđ) | Diễn giải |      | Tỷ lệ<br>(%) | Thành tiền<br>(vnđ) | Ghi chú                                                 |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|------------------|-----------|------|--------------|---------------------|---------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                         |                                                               |                  | Giảm      | Tăng |              |                     |                                                         |
| 1   | <b>Nền hàng ba:</b> Sân nền (Lót gạch tàu, đal xi măng)                                                                 | 7,48                                                          | 161.000          |           |      | 70           | 842.996             | Công trình, vật kiến trúc xây dựng trên đất nông nghiệp |
| 2   | <b>Mái hàng ba:</b> Trần và mái nhà (Mái tole + kết cấu đỡ mái bằng gỗ)                                                 | 7,48                                                          | 254.000          |           |      | 70           | 1.329.944           |                                                         |
| 3   | <b>Cột đúc dựng mái hàng ba:</b> Cột BTĐS 10x10                                                                         | 8,00                                                          | 100.000          |           |      | 70           | 560.000             |                                                         |
| 4   | <b>Sân nền hông nhà:</b> Sân nền (Láng xi măng - có lót BT đá 4x6)                                                      | 11,70                                                         | 198.000          |           |      | 70           | 1.621.620           |                                                         |
| 5   | <b>Sân nền ngoài trước hàng ba:</b> Sân nền (Láng xi măng - có lót BT đá 4x6)                                           | 18,15                                                         | 198.000          |           |      | 70           | 2.515.590           |                                                         |
| 6   | <b>Sân nền cổng tới gần trước hàng ba:</b> Sân nền (Láng xi măng - có lót BT đá 4x6)                                    | 106,00                                                        | 198.000          |           |      | 70           | 14.691.600          |                                                         |
| 7   | <b>Hàng rào trước nhà:</b> Hàng rào (Trụ đà bằng BTCT, tường xây gạch dày 10)                                           | 75,00                                                         | 1.050.000        |           |      | 70           | 55.125.000          |                                                         |
| 8   | <b>Hàng rào hông đất cặp đường dân sinh:</b> Hàng rào lưới B40 cọc đá, cọc BTCT đúc sẵn                                 | 378,00                                                        | 259.000          |           |      | 70           | 68.531.400          |                                                         |
| 9   | <b>Mái che sàn nước:</b> Trần và mái nhà (Mái tole + kết cấu đỡ mái bằng gỗ)                                            | 12,00                                                         | 254.000          |           |      | 70           | 2.133.600           |                                                         |
| 10  | <b>Nền sàn nước:</b> Sân nền (Láng xi măng - có lót BT đá 4x6)                                                          | 12,00                                                         | 198.000          |           |      | 70           | 1.663.200           |                                                         |
| 11  | <b>Vách che sàn nước:</b> Hàng rào (Trụ đà bằng BTCT, tường xây gạch lững có gán lam, bông trang trí,... hoặc lưới B40) | 7,50                                                          | 937.000          |           |      | 70           | 4.919.250           |                                                         |
| 12  | <b>Vách tường cặp lô đi bên hông nhà:</b> Tường xây tô gạch ống dày 10 cm                                               | 4,50                                                          | 296.000          |           |      | 70           | 932.400             |                                                         |



|                  |                                                                                                                             |        |           |  |  |      |                    |
|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|-----------|--|--|------|--------------------|
| 13               | <b>Cột bê tông đúc sẵn 12 x 12:</b> Cột bê tông đúc sẵn 12x12                                                               | 105,00 | 136.000   |  |  | 70   | 9.996.000          |
| 14               | <b>Hồ xây âm dưới đất:</b> Hàm, hồ xây âm dưới đất, đà kiềng, đà giằng và mặt đáy hồ bằng bê tông và BTCT (Xây tô tường 10) | 8,750  | 2.154.000 |  |  | 70   | 13.193.250         |
| 15               | <b>Khuôn bao quanh hồ:</b> Tường xây tô gạch ống dày 10 cm                                                                  | 75,42  | 296.000   |  |  | 70   | 15.627.024         |
| 16               | <b>Khuôn bao quanh hồ:</b> Hàng rào (Trụ đà bằng BTCT, tường xây gạch lững có gán lam, bông trang trí,... hoặc lưới B40)    | 30,00  | 937.000   |  |  | 70   | 19.677.000         |
| 17               | <b>Sân nền giữa các khuôn bao quanh hồ:</b> Sân nền (Láng xi măng - có lót BT đá 4x6)                                       | 15,24  | 198.000   |  |  | 70   | 2.112.264          |
| 18               | <b>Hàng rào giáp chuồng đến cặp nhà ông Nguyễn Văn Miện:</b> Tường xây tô gạch ống dày 10 cm                                | 32,76  | 296.000   |  |  | 70   | 6.787.872          |
| 19               | <b>Mái chuồng:</b> Trần và mái nhà (Mái tole + kết cấu đỡ mái bằng thép)                                                    | 56,40  | 383.000   |  |  | 61.6 | 13.306.339         |
| 20               | <b>Nền dưới, nền trên chuồng:</b> Sân nền (Nền BTCT dày trung bình 10cm)                                                    | 75,20  | 233.000   |  |  | 61.6 | 10.793.306         |
| 21               | <b>Vách hông đầu dãy chuồng:</b> Tường xây tô gạch ống dày 10 cm                                                            | 5,20   | 296.000   |  |  | 61.6 | 948.147            |
| 22               | <b>Vách ngăn các chuồng:</b> Tường xây tô gạch ống dày 10 cm                                                                | 22,40  | 296.000   |  |  | 61.6 | 4.084.326          |
| 23               | <b>Hàng rào chuồng:</b> Hàng rào (Trụ sắt, khung song sắt)                                                                  | 26,32  | 930.000   |  |  | 61.6 | 15.078.202         |
| 24               | <b>Vách sau chuồng:</b> Tường xây tô gạch ống dày 10 cm                                                                     | 48,88  | 296.000   |  |  | 61.6 | 8.912.584          |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                                                                             |        |           |  |  |      | <b>275.382.914</b> |

## II. Hỗ trợ di chuyển:

| STT              | Nội dung         | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Mức hỗ trợ (vnd) | Thành tiền (vnd) | Ghi chú                                                                                                                                                                                                    |
|------------------|------------------|----------|-----------|------------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                | Hỗ trợ di chuyển | 1        | 50        | 10.000.000       | 5.000.000        | Nhà ở bị giải tỏa có diện tích xây dựng trên 60 m <sup>2</sup> đến 100 m <sup>2</sup> được bồi thường, hỗ trợ 10.000.000đ. Trường hợp còn phần đất chưa thu hồi hết (ổn định tại nơi ở cũ) mức hỗ trợ 50%. |
| <b>Tổng cộng</b> |                  |          |           |                  | <b>5.000.000</b> |                                                                                                                                                                                                            |

## III. Đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với thu hồi đất NN:

| STT              | Diện tích đất nông nghiệp thu hồi | Mức hỗ trợ (%) | Giá đất hỗ trợ (vnd) | Thành tiền (vnd)   | Ghi chú |
|------------------|-----------------------------------|----------------|----------------------|--------------------|---------|
| 1                | 5.450,70                          | 150            | 70.000               | 572.323.500        |         |
| <b>Tổng cộng</b> |                                   |                |                      | <b>572.323.500</b> |         |



#### IV. Hỗ trợ bàn giao mặt bằng đúng quy định:

| STT       | Tổng giá trị bồi thường nhà, công trình, cây trồng | Tỷ lệ (%) | Thành tiền (vnd) | Ghi chú                                                             |
|-----------|----------------------------------------------------|-----------|------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 1         | 5.210.762.566                                      | 4         | 5.000.000        | Được tính bằng 4% tổng số tiền bồi thường, không vượt mức 5.000.000 |
| Tổng cộng |                                                    |           | 5.000.000        |                                                                     |

**\* TỔNG CỘNG SỐ TIỀN ĐƯỢC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: 5.793.086.066 đồng**

*(Bằng chữ: Năm tỷ, bảy trăm chín mươi ba triệu, không trăm tám mươi sáu ngàn, không trăm sáu mươi sáu đồng)*

- Tổng cộng số tiền bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh bổ sung: 5.793.086.066 đ

- Tổng cộng số tiền được bồi thường, hỗ trợ theo quyết định số

2760/QĐ-UBND, ngày 22/12/2023:

5.282.445.200 đ

- Chênh lệch tăng:

510.640.866 đ

*(Bằng chữ: Năm trăm mười triệu, sáu trăm bốn mươi ngàn, tám trăm sáu mươi sáu đồng)*





BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỐI THƯỜNG, HỒ TRỌ, TÀI DÍNH CỬ  
BÀ LÊ DUÂN - PHẠM HÙNG, PHƯỜNG 8 ĐẾN ĐƯỜNG TRẦN QUỐC TOẢN, PHƯỜNG 6, THỊNH PHỐ SỐC TRẢNG, TỈNH SỐC TRẢNG  
(Kèm theo Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2023)

| STT | Họ và tên        | Thị trấn                                                                | BD Thửa | Diện tích (m <sup>2</sup> )     |     |     |             | Tiền bồi thường (đồng) |      |                       |                                | Chính sách hỗ trợ |             |             |             | Cộng        | Ghi chú    |                  |                                                                             |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----|------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------|---------------------------------|-----|-----|-------------|------------------------|------|-----------------------|--------------------------------|-------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                  |                                                                         |         | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | QDT | CLN | LN          | LNK                    | Cộng | Nhà và công trình phụ | Công trình, vật kiến trúc khác | Mô mã             | Cây trồng   | Hỗ trợ khác |             |             |            | Hỗ trợ di chuyển | Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với tàn tật đất NN | Hỗ trợ bảo vệ an ninh trật tự |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|     |                  |                                                                         |         |                                 |     |     |             |                        |      |                       |                                |                   |             | Nhà         | Công trình  |             |            |                  |                                                                             |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 1   | Phan Văn Danh    | ấp Thanh Lạc, thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng         | 26 109  | 1.441,0                         |     |     | 363.132.000 |                        |      |                       | 363.132.000                    |                   |             | 130.596.863 | 149.255.568 | 22.840.908  | 18.000.000 | 151.305.000      | 10.000.000                                                                  | 837.150.339                   | Bổ sung hỗ trợ khác Nhà, công trình xây dựng trên đất nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 2   | Nguyễn Đức Phước | số 253 đường Hồ Chí Minh, Phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 2 162   | 3.404,90                        |     |     |             |                        |      |                       | 6.474.680.400                  | 702.588.120       | 137.654.451 | 561.975.145 | 40.510.664  | 156.784.293 | 7.500.000  | 796.536.500      | 5.000.000                                                                   | 8.871.629.191                 | Điều chỉnh một phần diện tích đất nông nghiệp từ bồi thường thành hỗ trợ khác. Điều chỉnh bồi thường một phần diện tích đất vị trí 1 đường Nguyễn Văn Thành và vị trí 2 đường Nguyễn Văn Thành để xây dựng công trình 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 121, 122, 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129, 130, 131, 132, 133, 134, 135, 136, 137, 138, 139, 140, 141, 142, 143, 144, 145, 146, 147, 148, 149, 150, 151, 152, 153, 154, 155, 156, 157, 158, 159, 160, 161, 162, 163, 164, 165, 166, 167, 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174, 175, 176, 177, 178, 179, 180, 181, 182, 183, 184, 185, 186, 187, 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 197, 198, 199, 200, 201, 202, 203, 204, 205, 206, 207, 208, 209, 210, 211, 212, 213, 214, 215, 216, 217, 218, 219, 220, 221, 222, 223, 224, 225, 226, 227, 228, 229, 230, 231, 232, 233, 234, 235, 236, 237, 238, 239, 240, 241, 242, 243, 244, 245, 246, 247, 248, 249, 250, 251, 252, 253, 254, 255, 256, 257, 258, 259, 260, 261, 262, 263, 264, 265, 266, 267, 268, 269, 270, 271, 272, 273, 274, 275, 276, 277, 278, 279, 280, 281, 282, 283, 284, 285, 286, 287, 288, 289, 290, 291, 292, 293, 294, 295, 296, 297, 298, 299, 300, 301, 302, 303, 304, 305, 306, 307, 308, 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 316, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 324, 325, 326, 327, 328, 329, 330, 331, 332, 333, 334, 335, 336, 337, 338, 339, 340, 341, 342, 343, 344, 345, 346, 347, 348, 349, 350, 351, 352, 353, 354, 355, 356, 357, 358, 359, 360, 361, 362, 363, 364, 365, 366, 367, 368, 369, 370, 371, 372, 373, 374, 375, 376, 377, 378, 379, 380, 381, 382, 383, 384, 385, 386, 387, 388, 389, 390, 391, 392, 393, 394, 395, 396, 397, 398, 399, 400, 401, 402, 403, 404, 405, 406, 407, 408, 409, 410, 411, 412, 413, 414, 415, 416, 417, 418, 419, 420, 421, 422, 423, 424, 425, 426, 427, 428, 429, 430, 431, 432, 433, 434, 435, 436, 437, 438, 439, 440, 441, 442, 443, 444, 445, 446, 447, 448, 449, 450, 451, 452, 453, 454, 455, 456, 457, 458, 459, 460, 461, 462, 463, 464, 465, 466, 467, 468, 469, 470, 471, 472, 473, 474, 475, 476, 477, 478, 479, 480, 481, 482, 483, 484, 485, 486, 487, 488, 489, 490, 491, 492, 493, 494, 495, 496, 497, 498, 499, 500, 501, 502, 503, 504, 505, 506, 507, 508, 509, 510, 511, 512, 513, 514, 515, 516, 517, 518, 519, 520, 521, 522, 523, 524, 525, 526, 527, 528, 529, 530, 531, 532, 533, 534, 535, 536, 537, 538, 539, 540, 541, 542, 543, 544, 545, 546, 547, 548, 549, 550, 551, 552, 553, 554, 555, 556, 557, 558, 559, 560, 561, 562, 563, 564, 565, 566, 567, 568, 569, 570, 571, 572, 573, 574, 575, 576, 577, 578, 579, 580, 581, 582, 583, 584, 585, 586, 587, 588, 589, 590, 591, 592, 593, 594, 595, 596, 597, 598, 599, 600, 601, 602, 603, 604, 605, 606, 607, 608, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 615, 616, 617, 618, 619, 620, 621, 622, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 629, 630, 631, 632, 633, 634, 635, 636, 637, 638, 639, 640, 641, 642, 643, 644, 645, 646, 647, 648, 649, 650, 651, 652, 653, 654, 655, 656, 657, 658, 659, 660, 661, 662, 663, 664, 665, 666, 667, 668, 669, 670, 671, 672, 673, 674, 675, 676, 677, 678, 679, 680, 681, 682, 683, 684, 685, 686, 687, 688, 689, 690, 691, 692, 693, 694, 695, 696, 697, 698, 699, 700, 701, 702, 703, 704, 705, 706, 707, 708, 709, 710, 711, 712, 713, 714, 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721, 722, 723, 724, 725, 726, 727, 728, 729, 730, 731, 732, 733, 734, 735, 736, 737, 738, 739, 740, 741, 742, 743, 744, 745, 746, 747, 748, 749, 750, 751, 752, 753, 754, 755, 756, 757, 758, 759, 760, 761, 762, 763, 764, 765, 766, 767, 768, 769, 770, 771, 772, 773, 774, 775, 776, 777, 778, 779, 780, 781, 782, 783, 784, 785, 786, 787, 788, 789, 790, 791, 792, 793, 794, 795, 796, 797, 798, 799, 800, 801, 802, 803, 804, 805, 806, 807, 808, 809, 810, 811, 812, 813, 814, 815, 816, 817, 818, 819, 820, 821, 822, 823, 824, 825, 826, 827, 828, 829, 830, 831, 832, 833, 834, 835, 836, 837, 838, 839, 840, 841, 842, 843, 844, 845, 846, 847, 848, 849, 850, 851, 852, 853, 854, 855, 856, 857, 858, 859, 860, 861, 862, 863, 864, 865, 866, 867, 868, 869, 870, 871, 872, 873, 874, 875, 876, 877, 878, 879, 880, 881, 882, 883, 884, 885, 886, 887, 888, 889, 890, 891, 892, 893, 894, 895, 896, 897, 898, 899, 900, 901, 902, 903, 904, 905, 906, 907, 908, 909, 910, 911, 912, 913, 914, 915, 916, 917, 918, 919, 920, 921, 922, 923, 924, 925, 926, 927, 928, 929, 930, 931, 932, 933, 934, 935, 936, 937, 938, 939, 940, 941, 942, 943, 944, 945, 946, 947, 948, 949, 950, 951, 952, 953, 954, 955, 956, 957, 958, 959, 960, 961, 962, 963, 964, 965, 966, 967, 968, 969, 970, 971, 972, 973, 974, 975, 976, 977, 978, 979, 980, 981, 982, 983, 984, 985, 986, 987, 988, 989, 990, 991, 992, 993, 994, 995, 996, 997, 998, 999, 1000, 1001, 1002, 1003, 1004, 1005, 1006, 1007, 1008, 1009, 1010, 1011, 1012, 1013, 1014, 1015, 1016, 1017, 1018, 1019, 1020, 1021, 1022, 1023, 1024, 1025, 1026, 1027, 1028, 1029, 1030, 1031, 1032, 1033, 1034, 1035, 1036, 1037, 1038, 1039, 1040, 1041, 1042, 1043, 1044, 1045, 1046, 1047, 1048, 1049, 1050, 1051, 1052, 1053, 1054, 1055, 1056, 1057, 1058, 1059, 1060, 1061, 1062, 1063, 1064, 1065, 1066, 1067, 1068, 1069, 1070, 1071, 1072, 1073, 1074, 1075, 1076, 1077, 1078, 1079, 1080, 1081, 1082, 1083, 1084, 1085, 1086, 1087, 1088, 1089, 1090, 1091, 1092, 1093, 1094, 1095, 1096, 1097, 1098, 1099, 1100, 1101, 1102, 1103, 1104, 1105, 1106, 1107, 1108, 1109, 1110, 1111, 1112, 1113, 1114, 1115, 1116, 1117, 1118, 1119, 1120, 1121, 1122, 1123, 1124, 1125, 1126, 1127, 1128, 1129, 1130, 1131, 1132, 1133, 1134, 1135, 1136, 1137, 1138, 1139, 1140, 1141, 1142, 1143, 1144, 1145, 1146, 1147, 1148, 1149, 1150, 1151, 1152, 1153, 1154, 1155, 1156, 1157, 1158, 1159, 1160, 1161, 1162, 1163, 1164, 1165, 1166, 1167, 1168, 1169, 1170, 1171, 1172, 1173, 1174, 1175, 1176, 1177, 1178, 1179, 1180, 1181, 1182, 1183, 1184, 1185, 1186, 1187, 1188, 1189, 1190, 1191, 1192, 1193, 1194, 1195, 1196, 1197, 1198, 1199, 1200, 1201, 1202, 1203, 1204, 1205, 1206, 1207, 1208, 1209, 1210, 1211, 1212, 1213, 1214, 1215, 1216, 1217, 1218, 1219, 1220, 1221, 1222, 1223, 1224, 1225, 1226, 1227, 1228, 1229, 1230, 1231, 1232, 1233, 1234, 1235, 1236, 1237, 1238, 1239, 1240, 1241, 1242, 1243, 1244, 1245, 1246, 1247, 1248, 1249, 1250, 1251, 1252, 1253, 1254, 1255, 1256, 1257, 1258, 1259, 1260, 1261, 1262, 1263, 1264, 1265, 1266, 1267, 1268, 1269, 1270, 1271, 1272, 1273, 1274, 1275, 1276, 1277, 1278, 1279, 1280, 1281, 1282, 1283, 1284, 1285, 1286, 1287, 1288, 1289, 1290, 1291, 1292, 1293, 1294, 1295, 1296, 1297, 1298, 1299, 1300, 1301, 1302, 1303, 1304, 1305, 1306, 1307, 1308, 1309, 1310, 1311, 1312, 1313, 1314, 1315, 1316, 1317, 1318, 1319, 1320, 1321, 1322, 1323, 1324, 1325, 1326, 1327, 1328, 1329, 1330, 1331, 1332, 1333, 1334, 1335, 1336, 1337, 1338, 1339, 1340, 1341, 1342, 1343, 1344, 1345, 1346, 1347, 1348, 1349, 1350, 1351, 1352, 1353, 1354, 1355, 1356, 1357, 1358, 1359, 1360, 1361, 1362, 1363, 1364, 1365, 1366, 1367, 1368, 1369, 1370, 1371, 1372, 1373, 1374, 1375, 1376, 1377, 1378, 1379, 1380, 1381, 1382, 1383, 1384, 1385, 1386, 1387, 1388, 1389, 1390, 1391, 1392, 1393, 1394, 1395, 1396, 1397, 1398, 1399, 1400, 1401, 1402, 1403, 1404, 1405, 1406, 1407, 1408, 1409, 1410, 1411, 1412, 1413, 1414, 1415, 1416, 1417, 1418, 1419, 1420, 1421, 1422, 1423, 1424, 1425, 1426, 1427, 1428, 1429, 1430, 1431, 1432, 1433, 1434, 1435, 1436, 1437, 1438, 1439, 1440, 1441, 1442, 1443, 1444, 1445, 1446, 1447, 1448, 1449, 1450, 1451, 1452, 1453, 1454, 1455, 1456, 1457, 1458, 1459, 1460, 1461, 1462, 1463, 1464, 1465, 1466, 1467, 1468, 1469, 1470, 1471, 1472, 1473, 1474, 1475, 1476, 1477, 1478, 1479, 1480, 1481, 1482, 1483, 1484, 1485, 1486, 1487, 1488, 1489, 1490, 1491, 1492, 1493, 1494, 1495, 1496, 1497, 1498, 1499, 1500, 1501, 1502, 1503, 1504, 1505, 1506, 1507, 1508, 1509, 1510, 1511, 1512, 1513, 1514, 1515, 1516, 1517, 1518, 1519, 1520, 1521, 1522, 1523, 1524, 1525, 1526, 1527, 1528, 1529, 1530, 1531, 1532, 1533, 1534, 1535, 1536, 1537, 1538, 1539, 1540, 1541, 1542, 1543, 1544, 1545, 1546, 1547, 1548, 1549, 1550, 1551, 1552, 1553, 1554, 1555, 1556, 1557, 1558, 1559, 1560, 1561, 1562, 1563, 1564, 1565, 1566, 1567, 1568, 1569, 1570, 1571, 1572, 1573, 1574, 1575, 1576, 1577, 1578, 1579, 1580, 1581, 1582, 1583, 1584, 1585, 1586, 1587, 1588, 1589, 1590, 1591, 1592, 1593, 1594, 1595, 1596, 1597, 1598, 1599, 1600, 1601, 1602, 1603, 1604, 1605, 1606, 1607, 1608, 1609, 1610, 1611, 1612, 1613, 1614, 1615, 1616, 1617, 1618, 1619, 1620, 1621, 1622, 1623, 1624, 1625, 1626, 1627, 1628, 1629, 1630, 1631, 1632, 1633, 1634, 1635, 1636, 1637, 1638, 1639, 1640, 1641, 1642, 1643, 1644, 1645, 1646, 1647, 1648, 1649, 1650, 1651, 1652, 1653, 1654, 1655, 1656, 1657, 1658, 1659, 1660, 1661, 1662, 1663, 1664, 1665, 1666, 1667, 1668, 1669, 1670, 1671, 1672, 1673, 1674, 1675, 1676, 1677, 1678, 1679, 1680, 1681, 1682, 1683, 1684, 1685, 1686, 1687, 1688, 1689, 1690, 1691, 1692, 1693, 1694, 1695, 1696, 1697, 1698, 1699, 1700, 1701, 1702, 1703, 1704, 1705, 1706, 1707, 1708, 1709, 1710, 1711, 1712, 1713, 1714, 1715, 1716, 1717, 1718, 1719, 1720, 1721, 1722, 1723, 1724, 1725, 1726, 1727, 1728, 1729, 1730, 1731, 1732, 1733, 1734, 1735, 1736, 1737, 1738, 1739, 1740, 1741, 1742, 1743, 1744, 1745, 1746, 1747, 1748, 1749, 1750, 1751, 1752, 1753, 1754, 1755, 1756, 1757, 1758, 1759, 1760, 1761, 1762, 1763, 1764, 1765, 1766, 1767, 1768, 1769, 177 |





